*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 1 - CHỦ ĐỀ 1: NHỮNG CÂU CHUYỆN LỊCH SỬ**

**TUẦN 1 - Tiết 1,2,3,4,5**

**LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN TRUYỆN LỊCH SỬ**

****

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận biết các đặc điểm của truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp);

- Năng lực đọc hiểu các văn bản truyện lịch sử trong và ngoài SGK.

- Năng lực cảm thụ văn học.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp lòng yêu nước, tinh thần trách nhiệm trong mỗi con người.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch bài dạy;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ**

**1. Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của thể loại truyện lịch sử.

**2. Nội dung hoạt động:** Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

**3. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

**4. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS ôn lại các đơn vị kiến thức cơ bản bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở; hoạt động nhóm,  - HS lần lượt trả lời nhanh các câu hỏi của GV các đơn vị kiến thức cơ bản của thể loại truyện lịch sử.  **Câu hỏi:**  - Em hãy nêu lại một số kiến thức chung về thể loại truyện lịch sử, đặc trưng (cốt truyện; ngôn ngữ).  -Em hãy nêu chủ đề của tác phẩm văn học.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS tích cực trả lời.  - GV khích lệ, động viên.  **Bước 3: Báo cáo sản phẩm**  **-** HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét** | **I. TRI THỨC NỀN VỀ THỂ LOẠI TRUYỆN LỊCH SỬ CẦN GHI NHỚ**  1. **Khái niệm**  *Là những tác phẩm truyện tái hiện lại nhân vật, sự kiện ở 1 thời gian của 1 giai đoạn lịch sử cụ thể.*  *Bối cảnh của thời đại trong quá khứ thường hiện lên 1 cách sống động dựa vào khả năng tưởng tượng, hư cấu của nhà văn.*  2. Đặc trưng  - Cốt truyện: Là những sự kiện đã xảy ra, được nhà văn tái tạo, hư cấu và sắp xếp theo ý đồ nghệ thuật.  - Nhân vật:  +Thường là những nhân vật nổi tiếng (*Vua, chúa, anh hùng, danh nhân,…)*  + Các nhân vật thường hiện ra dưới cái nhìn riêng, thể hiện sự lí giải độc đáo của nhà văn.  - Ngôn ngữ:  + Có thể viết bằng văn xuôi hoặc văn vần.  + Thể loại đa dạng.  + Thường mang những đặc trưng riêng, phù hợp với thời đại và mang nét tính cách của các đối tượng khác nhau.  II. Chủ đề của tác phẩm văn học  - Khái niệm: Là vấn đề trung tâm, ý nghĩa cốt lõi hoặc thông điệp chính mà tác giả truyền tải tới người đọc.  - Cách xác định:  + Dựa vào nội dung, sự việc chính.  + Dựa vào hệ thống nhất vận,  + Dựa vào cách đánh giá, thái độ của tác giả |

**HOẠT ĐỘNG 2. HƯỚNG DẪN LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

* Mục tiêu: Củng cố, khắc sâu tri thức ngữ văn về truyện lịch sử (cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ; chủ đề, tư tưởng, thông điệp); cách đọc hiểu văn bản truyện lịch sử.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện nhanh các phiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động.**  - GV mời phát biểu, yêu cầu lớp nhận xét, góp ý (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. LUYỆN TẬP KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**  **Các bài làm của học sinh** |

**VIÊN TƯỚNG TRẺ VÀ CON NGỰA TRẮNG**

**(Nguyễn Huy Tưởng)**



***Lược dẫn***: *Từ bến Bình Than trở về với nỗi buồn và sự thất vọng vì bị xem là một đứa trẻ không được bàn việc nước, không được tham gia đánh đuổi quân Nguyên, Hoài Văn quyết tâm dựng cờ chiêu mộ binh lính, cùng nhau rèn luyện võ nghệ đánh giặc để thể hiện lòng yêu nước à báo đền ơn vua. Đạo quân của Hoài Văn gồm hơn sáu trăm chàng trai trẻ rất thiện chiến, tự tìm giặc mà đánh.*

**VIII**

Hoài Văn Hầu mặc áo bào đỏ, vai mang cung tên, lưng đeo thanh gươm gia truyền, mình ngồi trên một con ngựa trắng phau. Chàng giữ vẻ uy nghiêm của một vị chỉ huy. Theo sau Hoài Văn là người tướng già, mặt sạm đen vì sương gió, chòm râu dài trắng như cước. Tiếp sau là sáu trăm gã hào kiệt, nón nhọn giáo dài. Đoàn quân hùng hổ ra đi trên con đường cái nhỏ, hai bên là đồng không mông quạnh. Tiếng chiêng tiếng trống rập rình.

Đoàn quân đã đi xa. Bà con ra tiễn vẫn còn trông thấy lá cờ đỏ đề sáu chữ vàng mở đường đi trước. Lá cờ căng lên vì ngược gió.

**IX**

Lá cờ thêu sáu chữ vàng mỗi lúc một căng lên vì ngược gió.

Sáu trăm gã hào kiệt đi tìm quan quân.Nhưng quan quân ở đâu? Họ không biết nữa.

Hoài Văn nói:

– Bây giờ dù có tìm được quan quân, quan quân lại đuổi về thôi. Chẳng bằng ta đi tìm giặc, đánh vài trận cho người lớn biết tay anh em ta đã.

Sáu trăm gã thưa:

– Vương tử nói phải. Ta đi tìm giặc mà đánh.

Và họ tiến theo hướng Bắc. Và lá cờ đỏ căng lên vì ngược gió. Những cánh đồng Võ Ninh đã hết. Họ tiến vào vùng đồi đất. Chẳng mấy chốc, đồi đất cũng lùi xa. Họ lọt vào giữa rừng núi. Rừng mỗi lúc một rậm, núi mỗi lúc một cao, suối mỗi lúc một nhiều, dân mỗi lúc một thưa. Họ cảm thấy càng đi lên càng gần mặt trận. Lòng họ vui như Tết. Nhưng đi đã mấy ngày đêm liền, họ vẫn chẳng thấy tăm hơi giặc. Mắt chỉ thấy núi rừng âm u. Tai chỉ nghe tiếng hoẵng kêu, vượn hú.

Một buổi chiều, sau một ngày lội suối trèo đèo vất vả, sáu trăm gã hào kiệt đổ vào một cánh đồng cỏ rộng, núi vây bốn phía. Lưng chừng núi, lác đác mấy cái xóm thổ dân.

[...]

**XI**

Các tráng sĩ Mán và sáu trăm gã hào kiệt chia nhau đi bố trí trên các ngọn núi chung quanh cánh đồng Ma Lục. Trên động chỉ để một số tráng sĩ giữ việc giật bẫy đá và điều khiển thần tướng. Bên thần tướng, dựng một lá cờ đại đề sáu chữ: PHÁ CƯỜNG ĐỊCH BÁO HOÀNG ÂN.

Lúc ấy đã quá trưa sang chiều. Mây mù phủ trên các chòm cây mỏm núi. Nấp trong rừng, Hoài Văn nhìn quân giặc đang lọt thỏm vào thế trận của mình. Bạt ngàn san dã những người và ngựa. Áo xanh, áo đỏ, áo tím, áo đen lốc nhốc. Chúng đều đi hia da thú dữ, đội mũ lông vằn vèo như lông cáo, lông cầy. Những ngọn giáo rất dài nhấp nhô theo vó ngựa. Những bao tên lắc lư trên vai, tua tủa những mũi tên bịt sắt. Chúng lồng lộn tiến, đầu ngựa sau húc vào mông ngựa trước. Hoài Văn nín thở nhìn quân giặc, người chàng run bắn lên. Chàng nghiến chặt răng cố lấy lại bình tĩnh.

Thành núi âm vang tiếng ngựa hí ầm ầm. Quân giặc đã lọt vào giữa cánh đồng. Viên tướng giặc xông xáo đi trước. Tới gần dãy núi Ma Lục, nó bỗng dừng lại. Các chiến sĩ của Hoài Văn và Thế Lộc đều nắm chặt đốc gươm, cán giáo. Những đội bắn giỏi thì kéo thử dây cung cho dẻo gân tay, ngắm sẵn đường tên cho trúng đích. Viên tướng giặc nhìn lên lưng chừng núi Ma Lục, nơi vị thần tướng đứng sừng sững bên lá cờ đại. Quân giặc ngồi im trên mình ngựa. Ngựa đi chậm chậm lại, chúng nhìn lên rồi ngơ ngác nhìn nhau. Viên tướng giặc giơ roi chỉ trỏ và quay lại như truyền một lệnh gì cho quân sĩ. Giặc lại tiến từ từ. Chúng nó biết thần tướng là giả hay sao? Hoài Văn tự hỏi mình và tim đập đến vỡ ngực. Nhưng quân giặc tiến một cách rụt rè. Viên tướng giương cung hướng lên thần tướng trên núi, quân nó cũng răm rắp lắp tên. Vừa lúc ấy, trong đám giặc, có những tiếng kêu kinh hãi. Nhiều ngón tay giặc chỉ lên thân cây đa cao đã bị một mũi tên thần xuyên thủng. Chúng hốt hoảng chỉ những cây cổ thụ khác cũng bị bắn xuyên. Nhiều đứa lắc đầu lè lưỡi. Trên núi, vị thần tướng bước đi mấy bước, mũi tên thần lắp trên cái nỏ to lớn khác thường đã chĩa thẳng xuống đám quân giặc. Lá cờ đại phồng lên như ra lệnh, nổi rõ sáu chữ kiêu kì. Tiếng trống trên núi vang lên, rung cả bầu trời. Cả cánh đồng ầm ầm như vỡ chợ. Viên tướng quay ngựa chạy ra, và quân giặc cũng giạt lại đằng sau. Ầm, ầm, ầm, ầm, cả ngọn núi cao như ập đổ xuống đầu giặc. Những tảng đá lăn trên núi xuống đè bẹp gí những hàng đầu người ngựa. Quân giặc tranh nhau chạy. Ngựa xô vào nhau ngã lổng chổng. Ngựa giẫm lên những tên giặc nằm sóng soài. Ngựa kéo lê những thằng lúng túng chưa gỡ được chân ra khỏi vòng kiềng.

Hoài Văn vỗ đùi kêu đôm đốp:

– Cha chả là vui. Quân ta đánh xuống thôi!

Tiếng tù và rúc một hồi dõng dạc. Toán giặc chạy ra đầu tiên ngã chúi dưới một trận mưa tên nỏ dữ dội. Những tên sống sót chạy lộn vào, va ập vào đám quân đang hộc tốc chạy trở ra, người văng từ trên ngựa xuống, ngã tứ tung dưới đất. Tiếng kêu, tiếng gọi thất thanh. Tiếng khóc như ri. Quân giặc tối tăm mặt mũi, chỉ nghe thấy tiếng núi lở ầm ầm, tiếng hò reo của thiên binh vạn mã. Các chiến sĩ áo chàm leo trèo nhanh như vượn, đã tới trước mặt quân giặc từ lúc nào, vung những con dao to bản chém giặc như chặt chuối. Giặc không phân biệt trời đất, ngày đêm, lúng túng chẳng biết chạy đi đâu.

Viên tướng giặc dẫn một cánh quân liều chết đánh và chạy thoát khỏi cánh đồng Ma Lục khủng khiếp. Chúng đang cắm đầu chạy trên một con đường hẻm, bỗng nghe tiếng chiêng trống vang lừng. Trên dốc cao, một đạo quân đã chặn ngang đường. Một tiếng thét lanh lảnh:  
– Bớ quân giặc, đây là đường cùng của chúng bay. Chúng bay còn chạy đi đâu?

Viên tướng giặc nhìn lên trên dốc, hắn giật mình vì lại trông thấy một lá cờ đề sáu chữ, giống như sáu chữ trên núi cao. Tưởng như thần tướng đã lại xuống đây rồi. Thần tướng bây giờ là một người trẻ tuổi, mặt đẹp như ngọc, ngồi trên lưng một con ngựa bạch, tay cắp ngang một ngọn giáo dài.

Hoài Văn chỉ vào mặt tên tướng giặc:

– Bại tướng, đến nước này, chúng bay còn muốn chống lại uy trời đó sao? Hãy bỏ giáo quỳ hàng, thì còn được toàn tính mạng.

Đằng sau người tướng trẻ, bụi bốc mù mịt, như còn hàng nghìn hàng vạn binh mã. Tên tướng giặc hốt hoảng từ trên yên ngựa nhảy xuống quỳ trước con ngựa bạch của Hoài Văn Hầu. Lá cờ thêu sáu chữ đã nhoè trong bóng tối, nhưng vẫn reo phần phật. Quốc Toản bỗng thấy có ai giật áo mình. Cúi xuống thì ra Thế Lộc. Chàng xuống ngựa, nắm tay người bạn núi rừng và nói:

– Chỉ có vài tên chạy thoát, nhưng thế mới tốt. Để cho chúng nó về mà báo cho nhau tin thua trận.

Thế Lộc nói:

- Hôm nay vui lắm, tao phải kết nghĩa anh em với mày. Được không?

- Ai hơn tuổi là anh. Thế Lộc là anh ta vậy.

Trong bóng tối, Quốc Toản thoáng thấy Thế Lộc mỉm cười.

[...]

**XII-XIII**

***Lược dẫn:*** *Chiêu Thành Vương, chủ ruột của Hoài Văn, được lệnh đi đuổi Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc, kẻ đã chủ trương cho giặc mượn đường, nay bí* *mật đem cả gia đình đầu hàng quân Nguyên, lộ rõ mưu đồ bán nước. Trên đường đuổi theo Trần Ích Tắc, Chiêu Thành Vương bị giặc mai phục ở một vùng rừng núi hiểm trở, tưởng đã cùng đường, phải quyết tử với giặc. Đột nhiên có quân của Thế Lộc và Hoài Văn tiếp cứu.*

Các tướng vừa dìu Chiêu Thành Vương lên một quả đồi thì quân giặc ập tới, bủa vây kín chân đồi. Vòng vây siết chặt lại, trùng trùng điệp điệp. Gươm giáo dày như nêm cối. Nhiều ngọn giáo bêu đầu những quân sĩ của Chiêu Thành Vương, máu ròng ròng trên cán giáo. Chiêu Thành Vương cùng đám tàn quân vừa đánh vừa lùi mãi, lên tới ngọn đồi. Vương cầm chắc thanh gươm, chém giặc lia lịa. Sức vương đã kiệt, thân thể bị trúng thương đau nhức, chiến bào thấm đầy máu và mồ hôi. Lưỡi gươm chém giặc suốt từ hôm qua đã cùn mẻ. Cánh tay vương rã rời. Mấy người tướng tâm phúc đã ngã dưới chân vương. Phía sau lưng quả đồi cao bên kia đường, bỗng nổi lên những tiếng reo hò. Vương vừa múa gươm gạt những ngọn giáo giặc tua tủa đâm lên, vừa ngước mắt nhìn sang bên đồi ấy. Vương thấy lố nhố người và ngựa. Vương nói với viên tướng duy nhất còn sót lại:

– Giặc lại đến thêm, mệnh ta cùng rồi.

Nhưng người tướng reo to:

– Bẩm đại vương, dễ không phải giặc...

Người tướng chưa nói hết câu, thì toán quân trên ngọn đồi trước mặt đã lao xuống đường ào ào như thác đổ và đánh thẳng vào sau lưng đám giặc vây ngọn đồi của Chiêu Thành Vương, xẻ quân giặc ra làm đôi, như đánh rắn khúc giữa. Giặc rú lên những tiếng kêu man rợ. Chúng vỡ từng mảng như những bức tường đổ xuống. Vòng vây đang khép chặt quả đồi, phút chốc tan đi như mây khói. Quân sĩ của Chiêu Thành Vương reo hò:

– Quân cứu viện đến rồi.

Và quên cả mệt nhọc, họ từ trên đồi đánh xuống. Người tướng của Chiêu Thành Vương thưa:  
- Giặc đã rút rồi!

– Ai đến cứu ta vậy?

Vương định thần nhìn dưới chân đồi, thấy quân giặc chạy nháo nhác như gà, gươm giáo, cung tên quăng bừa bãi. Toán quân đến cứu viện đã làm chúa trên bãi chiến trường. Sức khoẻ của Chiêu Thành Vương hồi lại. Vương vung gươm đánh xuống, vừa đánh vừa hỏi người tướng:

– Có phải là giấc chiêm bao không?

Vương vừa nói xong, thì bỗng thấy phấp phới một lá cờ đề sáu chữ vàng: PHÁ CƯỜNG ĐỊCH BÁO HOÀNG ÂN. Lá cờ phất cao hùng dũng. Chiêu Thành Vương nhìn lá cờ kì lạ, dụi mắt rồi lại nhìn xem có phải lầm không. Vương tự hỏi:

– Người tướng có lá cờ sáu chữ là đây chăng?

Quả nhiên, dưới lá cờ, có một người tướng trẻ, mặc áo bào đỏ, cưỡi ngựa trắng. Người tướng trẻ cất tiếng lanh lãnh chỉ huy quân sĩ giết giặc. Vương giật mình, nghe tiếng nói sao quen quen. Vương lại nhìn người tướng trẻ đang bay đi bay lại, trước mặt tung bay lá cờ sáu chữ. Vương thét lên một tiếng kêu kinh ngạc:

– Sao giống cháu ta như đúc?

Người tướng tâm phúc của Vương cũng nói:

– Ai như Hoài Văn Hầu...

− Chả có lẽ nào!

Chiêu Thành Vương nheo mắt nhìn người tướng trẻ và reo lên:

– Đúng cháu ta rồi!

Chiêu Thành Vương chạy đuổi theo lá cờ thêu sáu chữ. Đang chạy thì có một bàn

tay giữ lại:

– Đại vương nó đây này'. Đây này!

Đấy là Nguyễn Lĩnh, người tráng sĩ Mán mà Vương đã gặp trưa hôm qua. Cùng một lúc, có tiếng chào cung kính:

– Kính lạy đại vương! Đại vương đến lúc nào, chúng con không được biết....

Vương nhìn ra thì là người tướng già. Vương mừng quýnh:

- Ông cũng ở đây ư? Đích thị cháu ta rồi.

Lá cờ sáu chữ bay lại. Con ngựa trắng của người tướng trẻ phi trên những xác giặc ngổn ngang. Chỉ trong nháy mắt, người tướng trẻ đã tới chân đồi, dừng ngựa trước mặt Chiêu Thành Vương. Hai hàng nước mắt chảy ròng ròng trên má sây sát của người chú ruột. Hoài Văn kêu lên, tiếng kêu vui sướng:

– Lạy chú ạ! Chú lên đây từ bao giờ?

Chàng nhảy phắt xuống ngựa, quỳ trước Chiêu Thành Vương:

– Cháu không biết chú lên, chậm tới vấn an, xin chú tha tội cho cháu.

Đúng là cháu ta rồi. Vẫn là đứa cháu mặt còn bụ sữa mà sao bây giờ đường đường khí thế hiên ngang. Vẫn là giọng nói của đứa con trai mới vỡ tiếng mà sao rắn rỏi không ngờ. Vương mỉm cười mà nước mắt cứ trào ra. Vương nâng cháu dậy và nói:

– Hậu sinh khả uý. Cháu ta trẻ tuổi mà anh hùng.

Hoài Văn chỉ Thế Lộc cũng vừa chạy tới:

– Đây là người anh kết nghĩa của cháu. Cháu được có ngày nay là nhờ người anh hùng sơn cước này.

Vương hết nhìn Hoài Văn, lại nhìn những người Mán, rồi lại nhìn những người hào kiệt Võ Ninh tới chào. Dưới chân vương, xác giặc nằm chất đống, máu chảy như suối từ trên đồi xuống đường. Vương ngước nhìn lên lá cờ sáu chữ, lẩm nhẩm luôn miệng.

– Phá cường địch báo hoàng ân...

Vương kéo lá cờ xuống để nhìn cho rõ. Vương lẳng lặng gật đầu. Một gã hào kiệt dắt một con ngựa cướp được của giặc, tới trước mặt Chiêu Thành Vương.

Hoài Văn mời chú lên ngựa trở về Ma Lục. Vương nói:

– Chú không ngờ! Thật chú không ngờ!

**TÓM TẮT TRUYỆN**

Viên tướng trẻ và con ngựa trắng trích từ tập truyện Lá cờ thêu sáu chữ vàng của Nguyễn Huy Tưởng, kể về anh hùng Trần Quốc Toản, còn nhỏ nhưng đã có ý chí đánh đuổi quân xâm lược, dành chủ quyền về cho đất nước. Nhưng vì còn quá nhỏ lại thêm cha mất sớm nên bị cho ra rìa và không được tham gia đánh đuổi quân Nguyên Mông cùng vua quan nhà Trần. Viên tướng trẻ và con ngựa trắng kể về những hành động tiếp theo của Trần Quốc Toản hay còn gọi là Hoài Văn sau khi không được cùng tham gia đánh giặc cho tới khi giải cứu chú ruột của mình là Chiêu Thành Vương. Trở về từ thuyền sau khi gặp vua và các tướng lĩnh nhưng không có kết quả, Hoài Văn đã tự mình rèn luyện, lập nên một đội quân riêng của mình, chiêu mộ được hơn sáu trăm người trẻ tuổi thiện chiến đánh giặc cùng với một viên  tướng già đi theo giúp đỡ. Họ không đi đánh giặc theo lệnh vua mà tự mình đi tìm giặc để đánh, với khẩu hiệu được thêu trên lá cờ của mình gồm sáu chữ “Phá cường địch báo hoàng ân”. Họ đi tìm giặc vượt qua núi, qua sông, qua rừng, cuối cùng cũng thấy động tĩnh giặc đang tới gần tại dãy núi Ma Lục. Ở đây họ phục kích và xông lên, rồi bắt sống được tướng giặc, đây là trận đánh đầu tiên của Hoài Văn cùng đội quân của mình nhưng đã dành được chiến thắng lớn nhờ vào sự tài trí của Hoài Văn và sự đoàn kết, dũng mãnh của toàn quân. Ngoài lập được chiến công, Hoài Văn còn hóa giải hiểu nhầm được với Thế Lộc và hai người kết làm anh em. Tiếp đó, Hoài Văn lại cứu được chú mình là Chiêu Thành Vương đang đuổi bắt tên bán nước Trần Ích Tắc thì bị mai phục và gần như thua trận. Cầm cự đến khi chỉ còn lại vài người, Chiêu Thành Vương nghĩ mình sẽ bỏ mạng nơi sa trường thì đội quân của Hoài Văn xuất hiện, phá bỏ vòng vây và giải cứu chú mình. Thấy được cháu trai mình tuy tuổi nhỏ nhưng tài cao, Chiêu Thành Vương tự hào và mãn nguyện vô cùng.

**CÂU HỎI ĐỌC HIỂU**

**Câu hỏi 1:** Trong Đại Nam quốc sử diễn ra có hai câu lục bát ca ngợi một nhân vật lịch sử thời nhà Trần:

...tuổi trẻ chí cao

Cờ đề sáu chữ quyết vào lập công

Em biết nhân vật ấy là ai, có công trạng gì mà được tôn ving như vậy không? Hãy chia sẻ với các bạn trong lớp?

Nhân vật đó là Trần Quốc Toản

Trần Quốc Toản (1267- 1285) thuộc dõng dõi vua Trần. Cha mất sớm, ông ở với mẹ và được chú là Chiêu Thành Vương dạy dỗ chu đáo. Ngay từ nhỏ, ông đã bộc lộ năng khiếu võ nghệ và lòng quả cảm hơn người, rất ham đọc sách quân sự và có chí lớn. Ông được phong tước Hoài Văn Hầu khi mới 15 tuổi.

Năm 1282, vua Trần Nhân Tông tổ chức Hội nghị quân sự cấp cao gồm các Vương hầu và tướng lĩnh tại bến Bình Than để bàn kế sách chống giặc Mông - Nguyên. Vì còn ít tuổi nên Trần Quốc Toản không được tham dự Hội nghị để bàn việc quân.  Hổ thẹn, uất ức, Trần Quốc Toản đã bóp nát quả cam trong tay lúc nào không biết.  Không nản lòng, ông đã tập hợp những người thân thuộc và trai tráng trong vùng thành đạo quân hơn 1000 người tự sắm sửa vũ khí, chiến thuyền và cùng nhau ngày đêm luyện võ, tập trận chờ thời cơ đánh giặc. Đội quân trẻ tuổi của Trần Quốc Toản giương cao lá cờ thêu sáu chữ vàng “Phá cường địch, báo hoàng ân”(phá giặc mạnh, đền ơn vua).

Tiếng vang của Trần Quốc Toản và lá cờ thêu sáu chữ vàng được lan truyền khắp mọi nơi. Hưng Đạo Vương khen ngợi và cho Trần Quốc Toản đem quân đến tham gia cuộc duyệt binh lớn ở Thăng Long.

        Năm 1285, quân Mông - Nguyên tràn vào nước ta. Lá cờ thêu sáu chữ vàng của Hoài Văn Hầu xuất hiện trên nhiều mặt trận. Trần Quốc Toản đã trực tiếp chỉ huy đội quân hơn 1000 người sát cánh chiến đấu với quân chủ lực của triều đình góp phần làm nên những chiến thắng vang dội ở Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương. Giặc Mông - Nguyên phải bỏ Thăng Long, chạy về Kinh Bắc (Bắc Ninh) để tìm đường về nước. Trần Quốc Toản được lệnh điều quân đến mai phục chặn đánh địch ở vùng sông Như Nguyệt. Trong trận đánh quyết liệt đó, giặc thua to nhưng không may Trần Quốc Toản đã hy sinh anh dũng khi mới 18 tuổi. Được tin Trần Quốc Toản mất, vua Trần Nhân Tông vô cùng thương tiếc. Nhà vua cho cử hành tang lễ trọng thể, đích thân làm văn tế và truy tặng Trần Quốc Toản tước Hoài Văn Vương.

**Câu 2:** Xác định nội dung bao quát của văn bản và cho biết những dấu hiệu nào giúp em nhận biết văn bản trên thuộc thể loại truyện lịch sử?

**Gợi ý:**

* Nội dung bao quát của văn bản nói về vị tướng trẻ Hoài Văn Hầu một vị anh hùng anh dũng hiên ngang chiến đấu với quân giặc bảo vệ đất nước trước quân giặc. Đồng thời Hoài Văn Hầu là một người anh hùng chính chực căm ghét những người phản quốc đầu hàng theo giặc đều sẽ bị chém đầu. Nên khi thấu Chiêu Vương Thành đánh đuổi quân giặc phản nước theo giặc không suy nghĩ nhiều về lợi ích hay mệnh lệnh được giao sẵn sàng ứng cứu những trận chiến vì đất nước vì nhân dân.
* Em nhận biết được đây là thể loại truyện lịch sử vì có dấu mốc thời gian và các sự kiện trong quá khứ về các trận đánh.

**Câu 3:** Nêu những nét tính cách nổi bật của nhân vật Hoài Văn Hầu.

Can đảm, dũng cảm, hiên ngang, quyết đoán yêu nước đặc biệt căm ghét quân giặc, sẵn sàng chiến đấu chống lại giặc ngoại xâm và quân phản nước.

**Câu 4:** Theo em, sự xuất hiện của các nhân vật như Thế Lộc, Chiêu Thành Vương có tác dụng gì trong việc thể hiện tính cách của nhân vật Hoài Văn Hầu?

Theo em, sự xuất hiện của các nhân vật như Thế Lộc, Chiêu Thành Vương có tác dụng thể hiện tính cách, con người của nhân vật Hoài Văn Hầu, chúng ta có thể thấy được nhiều mặt tính cách một cách toàn vẹn và chú ý hơn, ngoài ra chúng ta còn thấy được tính cách và lòng yêu nước đặc biệt của Hoài Văn Hầu

**Câu 5:** Sự lặp lại của hình ảnh lá cờ thêu sáu chữ vàng, con ngựa trắng và đoàn quân gồm toàn những chàng trai trẻ có tác dụng như thế nào trong việc thể hiện chủ đề của văn bản?

Sự lặp lại của hình ảnh lá cờ thêu sáu chữ vàng, con ngựa trắng và đoàn quân gồm toàn những chàng trai trẻ có tác dụng thể hiện chủ đề của văn bản bởi hình ảnh người tướng trẻ cùng đoàn quân anh dung tràn đầy nhựa sống cùng với con ngựa, lá cờ luôn kề bên mỗi lần phất cao ngọn cờ, tiếng ngựa hí là một lần đoàn quân trẻ dành được thắng lợi.

**Câu 6:** Nhận xét về nghệ thuật viết truyện lịch sử của tác giả (lưu ý cách sử dụng ngôi kể, cách quan sát, miêu tả nhân vật, tái hiện bối cảnh lịch sử; cách dùng lời người kể chuyện, lời của nhân vật;...)

Ngôi kể sử dụng ngôi kể thứ 3 để kể câu chuyện chân thật, mang đến nhiều góc nhìn toàn diện về nhân vật.

Cách quan sát và miêu tả: tinh tế, kĩ lưỡng tái hiện nhân vật toàn cảnh trận đấu và nhân vật diễn ra trong trận chiến.

Tái hiện bối cảnh lịch chân thật cùng ngôn từ sắc lạnh, quả quyết, ngắn ngọn, súc tính

Ta có thể thấy được qua ngòi bút tinh tế, tác giả khéo léo tái hiện nhân vật và trận đấu toàn vẹn đầy khí thế, khơi ngợi một truyền thống hào hùng đánh và giữa nước của dân tộc ta

**Câu 7:** Theo em, hình tượng nhân vật Hoài Văn Hầu mà nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong văn bản trên có những điểm trong đồng và khác biệt nào so với hình tượng Hoài Văn trong Đại Nam quốc sử diễn ca?

Theo em, hình tượng nhân vật Hoài Văn Hầu mà nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng trong văn bản trên với hình tượng Hoài Văn trong Đại Nam quốc sử diễn ca là hình ảnh quả quyết, gan dạ yêu nước được thể hiện rõ ràng chân thật thông qua các chi tiết để lột tả con người cũng như ý chí đánh giặc và miêu tả trận chiến, mưu lược của của Hoài Văn Hầu nhưng trong Đại Nam quốc sử diễn ca hình ảnh anh hùng hiện lên hào hùng tuy nhiên không được toàn vẹn và đanh thép thông qua lời thoại để thấy được cốt canh cũng như tính cách thông qua lời nói một phần.

Hai tác phẩm đều thể hiện toàn vẹn anh hùng nhưng ở hai mặt khác nhau để vẽ lên hình ảnh của anh hùng lịch sử

Em hãy nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của bài Viên tướng trẻ và con ngựa trắng

Nội dung: Nhà văn đã vẽ nên một bức tranh thật bao quát về cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ hai được đích thân Trần Hưng Đạo điều binh khiển lực đồng thời làm nổi bật nhân vật trung tâm Trần Quốc Toản qua hình ảnh lá cờ đỏ thêu sáu chữ vàng: “Phá cường địch báo hoàng ân” trong hai địa bàn chiến đấu.

- Nghệ thuật:

+ Sử dụng đặc sắc nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa.

+ Nguồn cảm hứng lãng mạn được lấy từ những sự kiện lịch sử vẽ lên vẻ đẹp nơi chiến trường khốc liệt

**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1:** Văn bản Viên tướng trẻ và con ngựa trắng trích từ tác phẩm nào?

1. Truyện Lục Vân Tiên.
2. Hoàng Lê nhất thống chí.
3. Lá cờ thêu sáu chữ vàng.
4. Truyền Kì mạn lục.

**Câu 2:** Nhân vật chính trong văn bản Viên tướng trẻ và con ngựa trắng là ai?

1. Chiêu Thành Vương.
2. Hoài Văn Hầu.
3. Thiệu Bảo.
4. Chiêu Hoàng.

**Câu 3:** Nhân vật Chiêu Thành Vương trong văn bản là ai?

1. Chú của Hoài Văn.
2. Anh em kết nghĩa của Hoài Văn.
3. Tướng dưới trướng của Hoài Văn.
4. Tướng quân Nguyên.

**Câu 6:** Sáu chữ vàng đề trên lá cờ của Trần Quốc Toản là gì?

1. Quyết giết giặc vì ơn vua.
2. Phá cường địch vì nhân dân.
3. Quyết giết giặc báo ơn vua.
4. Phá cường địch báo hoàng ân.

**Câu 7:** Đoạn văn sau sử dụng biện pháp tu từ gì?

*Lá cờ đại phồng lên như ra lệnh, nổi rõ sáu chữ kiêu kì. Tiếng trống trên núi vang lên, rung cả bầu trời. Cả cánh đồng ầm ầm như vỡ chợ. Viên tướng quay ngựa chạy ra, và quân giặc cũng giạt lại đằng sau. Ầm, ầm, ầm, ầm, cả ngọn núi cao như ập đổ xuống đầu giặc. Những tảng đá lăn trên núi xuống đè bẹp gí những hàng đầu người ngựa. Quân giặc tranh nhau chạy. Ngựa xô vào nhau ngã lổng chổng. Ngựa giẫm lên những tên giặc nằm sóng soài. Ngựa kéo lê những thằng lúng túng chưa gỡ được chân ra khỏi vòng kiềng.*

1. So sánh, nhân hóa, ẩn dụ.
2. So sánh, điệp ngữ, liệt kê.
3. Điệp ngữ, liệt kê, ẩn dụ.
4. Điệp ngữ, nhân hóa, hoán dụ.

**Câu 8:** Đoạn văn sau kể về sự việc gì?

*Các tướng vừa dìu Chiêu Thành Vương lên một quả đồi thì quân giặc ập tới, bủa vây kín chân đồi. Vòng vây siết chặt lại, trùng trùng điệp điệp. Gươm giáo dày như nêm cối. Nhiều ngọn giáo bêu đầu những quân sĩ của Chiêu Thành Vương, máu ròng ròng trên cán giáo. Chiêu Thành Vương cùng đám tàn quân vừa đánh vừa lùi mãi, lên tới ngọn đồi. Vương cầm chắc thành vương, chém giặc lia lịa. Sức Vương đã kiệt, thân thể bị trúng thương đau nhức, chiến bào thấm đầy máu và mồ hôi. Lưỡi gươm chém giặc suốt từ hôm qua đã cùn mẻ. Cánh tay Vương rã rời. Mấy người tướng tâm phúc đã ngã dưới chân Vương.*

1. Cuộc chiến đấu giữa đội quân Chiêu Thành Vương và quân địch.
2. Chiêu Thành Vương thất bại dưới tay quân giặc.
3. Đội quân Chiêu Thành Vương bị giặc mai phục.
4. Chiêu Thành Vương bị giặc bắt về làm con tin.

**Câu 9:** Đội quân nào đã tiếp viện ứng cứu cho Chiêu Thành Vương?

1. Đội quân của Hoài Văn Hầu và Thế Lộc.
2. Đội quân của tướng nhà Trần.
3. A, B đúng.
4. Không có đội quân nào cả.

**Câu 10:** Đoàn quân của Hoài Văn được khắc họa như thế nào?

1. Lực lượng hùng mạnh, tinh thần quả cảm, sẵn sàng tiến lên chiến đấu.
2. Lực lượng non trẻ, ít ỏi nhưng có tinh thần dũng cảm chiến đấu.
3. Lực lượng đông đảo nhưng non trẻ, ít kinh nghiệm chiến đấu.
4. Lực lượng non trẻ, ít ỏi nhưng có tinh thần quả cảm, đã có nhiều kinh nghiệm chiến đấu.

**Câu 11:** Hoài Văn Hầu hiện lên là một người anh hùng mang những phẩm chất gì?

1. Có lòng yêu nước to lớn, lòng căm thù giặc sâu sắc.
2. Trọng tình trọng nghĩa.
3. A, B đúng.
4. Dễ tự ái.

**Câu 12: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ 3 đến 6:**

*Lúc ấy đã quá trưa sang chiều. Mây mù phủ trên các chòm cây mỏm núi. Nấp trong rừng, Hoài Văn nhìn quân giặc đang lọt thỏm vào thế trận của mình. Bạt ngàn san dã những người và ngựa. Áo xanh, áo đỏ, áo tím, áo đen lốc nhốc. Chúng đều đi hia da thú dữ, đội mũ lông vằn vèo như lông cáo, lông cầy. Những ngọn giáo rất dài nhấp nhô theo vó ngựa. Những bao tên lắc lư trên vai, tua tủa những mũi tên bịt sắt. Chúng lồng lộn tiến, đầu ngựa sau húc vào mông ngựa trước. Hoài Văn nín thở nhìn quân giặc, người chàng run bắn lên. Chàng nghiến chặt răng cố lấy lại bình tĩnh.*

**Câu 12.a:** Đâu là những chi tiết miêu tả quân giặc?

1. Bạt ngàn san dã những người và ngựa. Áo xanh, áo đỏ, áo tím, áo đen lốc nhốc.
2. Chúng đều đi hia da thú dữ, đội mũ lông vằn vèo như lông cáo, lông cầy.
3. Những ngọn giáo rất dài nhấp nhô theo vó ngựa. Những bao tên lắc lư trên vai, tua tủa những mũi tên bịt sắt.
4. Tất cả những đáp án trên đều đúng.

**Câu 12.b:** Những chi tiết miêu tả quân giặc đang tiến đến trong đoạn trích trên khiến em có hình dung như thế nào về quân giặc?

1. Thưa thớt, ít ỏi nhưng đầy đủ vũ khí.
2. Đông đảo, hùng mạnh, hoàn toàn lấn át quân ta.
3. Đông đảo, hung hăng, dữ tợn, đầy đủ vũ khí.
4. Hoàn toàn yếu thế so với quân ta.

**Câu 12.c:** Đâu **không phải** từ láy trong đoạn trích trên?

1. Bình tĩnh.
2. Vằn vèo.
3. Nhấp nhô.
4. Tua tủa.

**Câu 13: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Tiếng tù và rúc một hồi dõng dạc. Toán giặc chạy ra đầu tiên ngã chúi dưới một trận mưa tên nỏ dữ dội. Những tên sống sót chạy lộn vào, va ập vào đám quân đang hộc tốc chạy trở ra, người văng từ trên ngựa xuống, ngã tứ tung dưới đất. Tiếng kêu, tiếng gọi thất thanh. Tiếng khóc như ri. Quân giặc tối tăm mặt mũi, chỉ nghe thấy tiếng núi lở ầm ầm, tiếng hò reo của thiên binh vạn mã. Các chiến sĩ áo chàm leo trèo nhanh như vượn, đã tới trước mặt quân giặc từ lúc nào, vung những con dao to bản chém giặc như chặt chuối. Giặc không phân biệt trời đất, ngày đêm, lúng túng chẳng biết chạy đi đâu.*

**Câu 13. a:** Đoạn văn miêu tả điều gì?

1. Cuộc chiến ngang tài ngang sức giữa quân địch và quân Hoài Văn Hầu.
2. Sự thất bại thảm hại của quân giặc trước đội quân của Hoài Văn Hầu.
3. Quân địch đàn áp quân Hoài Văn Hầu.
4. Quân giặc chấp nhận đầu hàng trước đội quân Hoài Văn Hầu.

**Câu 13.b:** Câu văn nào là miêu tả hành động chiến đấu của đội quân Hoài Văn Hầu?

1. Những tên sống sót chạy lộn vào, va ập vào đám quân đang hộc tốc chạy trở ra, người văng từ trên ngựa xuống, ngã tứ tung dưới đất.
2. Quân giặc tối tăm mặt mũi, chỉ nghe thấy tiếng núi lở ầm ầm, tiếng hò reo của thiên binh vạn mã.
3. Các chiến sĩ áo chàm leo trèo nhanh như vượn, đã tới trước mặt quân giặc từ lúc nào, vung những con dao to bản chém giặc như chặt chuối.
4. Tiếng kêu, tiếng gọi thất thanh.

**Câu 13.c:** Đoạn văn trên sử dụng thành ngữ nào và có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung đoạn văn?

1. Thành ngữ *tối tăm mặt mũi* thể hiện sự thảm hại, hèn nhát đến tận cùng của bọn giặc.
2. Thành ngữ *nhanh như vượn* thể hiện tốc độ chiến đấu của đội quân Hoài Văn Hầu.
3. Thành ngữ *chém giặc như chặt chuối* thể hiện sự dứt khoát, sức mạnh chiến đấu vô cùng của đội quân Hoài Văn Hầu.
4. Thành ngữ *khóc như ri* thể hiện sự thảm hại, hèn nhát đến tận cùng của bọn giặc.

**Câu 13.d:** Qua đoạn văn trên, em có nhận xét như thế nào về tài năng lãnh đạo và chiến đấu của Hoài Văn Hầu?

1. Tài giỏi, xuất chúng.
2. Không có tài lãnh đạo.
3. Đã có nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và chiến đấu.
4. 1, 3 đúng.

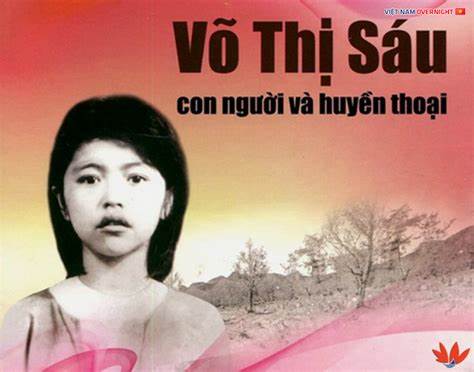
**Câu 14:** Tác phẩm *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* ra đời nhằm mục đích gì?

1. Giáo dục nhân cách, nâng cao hiểu biết của trẻ em về lịch sử nước nhà.
2. Khơi dậy lòng yêu nước ở các em nhỏ.
3. 1, 2 đều đúng.
4. Khắc họa hình ảnh người anh hùng nhỏ tuổi Trần Quốc Toản.

**Câu 15:** Nhắc đến Trần Quốc Toản, chúng ta nhớ đến điều gì?

1. Lá cờ thêu sáu chữ vàng *Phá cường địch báo hoàng ân*.
2. Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.
3. Trần Quốc Toản có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên – Mông lần thứ hai.
4. Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**CÂU CHUYỆN VỀ CHỊ VÕ THỊ SÁU**



*Vào năm mười hai tuổi, Sáu đã theo anh trai tham gia hoạt động cách mạng. Mỗi*

*lần được các anh giao nhiệm vụ gì Sáu đều hoàn thành tốt. Một hôm, Sáu mang lựu đạn phục kích giết tên cai Tòng, một tên Việt gian bán nước ngay tại xã nhà. Lần đó, Sáu bị giặc bắt. Sau gần ba năm tra tấn, giam cầm, giặc Pháp đưa chị ra giam ở Côn Đảo. Trong ngục giam, chị vẫn hồn nhiên, vui tươi, tin tưởng vào ngày chiến thắng của đất nước. Bọn giặc Pháp đã lén lút đem chị đi thủ tiêu, vì sợ các chiến sĩ cách mạng trong tù sẽ nổi giận phản đối. Trên đường ra pháp trường, chị đã ngắt một bông hoa còn ướt đẫm sương đêm cài lên tóc. Bọn chúng kinh ngạc vì thấy một người trước lúc hi sinh lại bình tĩnh đến thế. Tới bãi đất, chị gỡ bông hoa từ mái tóc của mình tặng cho người lính Âu Phi. Chị đi tới cột trói: mỉm cười, chị nhìn trời xanh bao la và chị cất cao giọng Lúc một tên lính bảo chị quỳ xuống, chị đã quát vào mặt lũ đao phủ: “Tao chỉ biết đứng, không biết quỳ”.*

*Một tiếng hô: “Bắn”.*

*Một tràng súng nổ, chị Sáu ngã xuống. Máu chị thấm ướt bãi cát.*

**Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu câu hỏi:**

**Câu 1: Chị Sáu tham gia hoạt động cách mạng năm bao nhiêu tuổi?**

A. Mười lăm tuổi B. Mười sáu tuổi

C. Mười hai tuổi D. Mười tám tuổi

**Câu 2: Chị Sáu bị giặc bắt và giam cầm ở đâu?**

A. Ở đảo Phú Quý B. Ở đảo Trường Sa

C. Ở Côn Đảo D. Ở Vũng Tàu

**Câu 3: Thái độ đáng khâm phục của chị Sáu đối diện với cái chết như thế nào?**

A. Bình tĩnh. B. Bất khuất, kiên cường.

C. Vui vẻ cất cao giọng hát. D. Buồn rầu, sợ hãi.

**Câu 4. Chị Sáu bị giặc Pháp bắt giữ, tra tấn, giam cầm ở Côn Đảo trong hoàn cảnh nào?**

**A.** Trong lúc chị đi theo anh trai

**B.** Trong lúc chị đi ra bãi biển

**C.** Trong lúc chị đang đi theo dõi bọn giặc.

**D.** Trong lúc chị mang lựu đạn phục kích giết tên cai Tòng.

**Câu 5. Tính từ trong câu: “*Trong ngục giam, chị vẫn hồn nhiên, vui tươi, tin tưởng vào ngày chiến thắng của đất nước*” là:**

**A.** Hồn nhiên

**B.** Hồn nhiên, vui tươi

**C.** Vui tươi, tin tưởng

**D.** Hồn nhiên, vui tươi, tin tưởng

**Câu 6. Chủ ngữ trong câu: “*Vào năm mười hai tuổi, Sáu đã theo anh trai hoạt động cách mạng*.” là:**

**A.** Vào năm mười hai tuổi

**B.** Sáu đã theo anh trai

**C.** Sáu đã theo anh trai hoạt động cách mạng

**D.** Sáu.

**Câu 7. Qua bài đọc, em thấy chị Võ Thị sáu là người như thế nào?**

**…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………**

**ĐỀ 2: *Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:***

*Tôi là viên đá mọn không tên*

*Tôi tự hào sung sướng tuổi thanh niên*

*Chiến đấu lớn dưới ngọn cờ của Đảng.*

*Tôi yêu bản hùng ca không tắt.*

*Mà lời ca sang sảng những tên người*

*Bế Văn Đàn hiến trọn tuổi hai mươi*

*Thân trai trẻ vì nhân dân làm lá súng.*

*Phan Đình Giót như một hòn núi lớn*

*Ngực yêu đời đè bẹp lỗ châu mai.*

*La Văn Cầu vì rất quý những bàn tay*

*Đã chặt đứt cánh tay mình xông tới.*

*Lý Tự Trọng đầu không hề chịu cúi đầu.*

*Lúc ra pháp trường còn đọc truyện Nguyễn Du.*

*Chị Sáu ơi!*

*Bông hoa chị cài đầu còn thắm mãi giữa ngàn cây Côn Đảo.*

(Trích *Vinh quang thay thế hệ Hồ Chí Minh* – Lưu Trùng Dương)

**Câu 1**. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 2**. Đoạn thơ sử dụng biện pháp tu từ nào là chính? Nêu tác dụng?

**Câu 3.** Hình ảnh Lý Tự Trọng "ra pháp trường còn đọc truyện Nguyễn Du" và chị Võ Thị Sáu với "Bông hoa chị cài đầu" gợi lên ý nghĩa gì?

**Câu 4**. Từ những tấm gương: Bế Văn Đàn, Phan Đình Giót, Võ Thị Sáu… anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nói lên lòng biết ơn của mình với các thế hệ cha anh.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**  
**Câu 1.**

Xác định các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

**Câu 2.**

- Biện pháp tu từ chính: liệt kê (tên tuổi và hành động dũng cảm của những anh hùng trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc.)

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp kiên cường, bất khuất của những anh hùng, qua đó, bộc lộ lòng tự hào, ngợi ca, biết ơn của tác giả.

+ Tạo âm hưởng hào hùng, mạnh mẽ cho đoạn thơ.

**Câu 3**.

- Hình ảnh Lý Tự Trọng "ra pháp trường còn đọc truyện Nguyễn Du" và chị Võ Thị Sáu với "bông hoa chị cài đầu" gợi lên ý nghĩa:

+ Làm nổi bật tư thế hiên ngang, lòng yêu nước, tinh thần lạc quan và vẻ đẹp tâm hồn của những người anh hùng sẵn sàng hi sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, ngay cả khi họ đối diện với cái chết.

**Câu 4.**

**Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) nói lên lòng biết ơn của mình với các thế hệ cha anh.**

*Về hình thức:* học sinh trình bày một đoạn văn dung lượng khoảng 5-7 dòng, bố cục chặt chẽ, mạch lạc, diễn đạt lưu loát.

*Về nội dung:* đoạn văn cần nêu được những ý chính sau:

- Nhận thức đúng đắn vai trò của những thế hệ cha anh đã không tiếc xương máu sẵn sàng hi sinh cho độc lập dân tộc. Từ đó hình thành thái độ cảm phục, ngợi ca, biết ơn một cách chân thành.

- Thể hiện lòng biết ơn qua những việc làm, hành động cụ thể: tự hào về truyền thống lịch sử, xây dựng lối sống đúng đắn, tích cực; ra sức học tập góp phần xây dựng đất nước…

**ĐỀ 3: *Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:***

**Hai Bà Trưng**



Thuở xưa, nước ta bị giặc ngoại xâm đô hộ. Chúng thẳng tay chém giết dân lành, cướp hết ruộng nương màu mỡ. Chúng bắt dân lên rừng săn thú lạ, xuống biển mò ngọc trai, khiến bao người thiệt mạng vì hổ báo, cá sấu, thuồng luồng,... Lòng dân oán hận ngút trời, chỉ chờ dịp vùng lên đánh đuổi quân xâm lược.

Bấy giờ, ở huyện Mê Linh có hai người con gái tài giỏi là Trưng Trắc và Trưng Nhị. Cha mất sớm, nhờ mẹ dạy dỗ, hai chị em đều giỏi võ nghệ và nuôi chí lớn giành lại non sông. Chồng bà Trưng Trắc là Thi Sách cũng cùng chí hướng với vợ. Tướng giặc Tô Định biết vậy bèn lập mưu giết chết Thi Sách.

Nhận được tin dữ, Hai Bà Trưng liền kéo quân về thành Luy Lâu hỏi tội kẻ thù. Trước lúc trẩy quân, có người xin nữ chủ tường cho mặc đồ tang. Trưng Trắc trả lời:

- Không! Ta sẽ mặc giáp phục thật đẹp để dân chúng thêm phấn khích, còn giặc trông thấy thì kinh hồn.

Hai Bà Trưng bước lên bành voi. Đoàn quân rùng rùng lên đường; giáo lao, cung nỏ, rìu búa, khiên mộc cuồn cuộn tràn theo bóng voi ẩn hiện của Hai Bà. Tiếng trống dội lên vòm cây, đập vào sườn đồi, theo suốt đường hành quân.

Thành trì quân giặc lần lượt sụp đổ dưới chân của đoàn quân khởi nghĩa. Tô Định ôm đầu chạy về nước. Đất nước ta sạch bóng quân thù. Hai Bà Trưng trở thành hai vị anh hùng chống giặc ngoại xâm đầu tiên trong lịch sử nước nhà.

(Theo Văn Lang)

***Từ ngữ:***

- Nhà Hán: triều đại ở Trung Quốc, cách đây hơn 2000 năm.

- Đô hộ: thống trị nước khác.

- Luy Lâu: vùng đất thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

- Trẩy quân: đoàn quân lên đường.

- Giáp phục: đồ bằng da (hoặc kim loại) mặc khi ra trận để che đỡ, bảo vệ thân thể.

- Lưu danh: để lại tên tuổi và tiếng tốt.

## ****Trả lời câu hỏi:****

**1.** Tìm những chi tiết cho thấy tội ác của giặc ngoại xâm.

**2.** Hãy giới thiệu về Hai Bà Trưng.



**3.** Theo em, vì sao Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa?

**4.** Hình ảnh Hai Bà Trưng và đoàn quân ra trận được miêu tả hào hùng như thế nào?

**5.** Nêu cảm nghĩ của em về hai vị anh hùng đầu tiên được lưu danh trong lịch sử nước nhà.

**ĐỀ 4: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**



*Tháng 6, ngày 24, sao sa. Hưng Đạo Vương ốm. Vua ngự tới nhà thăm, hỏi rằng: “Nếu có điều chẳng may, mà giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì kế sách như thế nào?”*

*Hưng Đạo Vương trả lời:*

*- “Ngày xưa Triệu Vũ dựng nước, vua Hán cho quân đánh, nhân dân làm kế thanh dã, đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu đánh vào Trường Sa, còn đoản binh thì đánh úp phía sau. Đó là một thời. Đời Đinh, Lê dùng người tài giỏi, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mệt mỏi suy yếu, trên dưới một dạ, lòng dân không lìa, xây thành Bình Lỗ mà phá được quân Tống. Đó lại là một thời. Vua Lý mở nền, nhà Tống xâm phạm địa giới, dùng Lý Thường Kiệt đánh Khâm, Liêm, đến tận Mai Lĩnh là vì có thế. Vừa rồi Toa Đô, Ô Mã Nhi bốn mặt bao vây. Vì vua tôi đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước góp sức, giặc phải bị bắt. Đó là trời xui nên vậy. Đại khái, nó cậy trường trận, ta dựa vào đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được. Vả lại, khoan thư sức dân để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là thượng sách giữ nước vậy.”*

(Trích Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trang 42, SGK Ngữ văn 10,Tập II, NXBGD 2006)

1/ Nêu ý chính của văn bản trên ?

2/ Xác định biện pháp tu từ (về từ) trong đoạn: *Nếu chỉ thấy quân nó kéo đến như lửa, như gió thì thế dễ chế ngự. Nếu nó tiến chậm như các tằm ăn, không cầu thắng chóng, thì phải chọn dùng tướng giỏi, xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy, tùy thời tạo thế, có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được*. Nêu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó?

3/ Trong văn bản có nói đến binh pháp. Binh pháp là gì? Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm gì đáng chú ý?

4/ Viết đoạn văn ngắn ( 5 đến 7 dòng) bày tỏ suy nghĩ về bài học khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

1/ Văn bản trên có ý chính: Lời trình bày về kế sách giữ nước của Trần Quốc Tuấn với vua.

2/ Biện pháp tu từ( về từ): so sánh:

*- Quân nó kéo đến như lửa, như gió*

*- Nó tiến chậm như các tằm ăn*

- Xem xét quyền biến, như đánh cờ vậy

- Có được đội quân một lòng như cha con thì mới dùng được

Hiệu quả nghệ thuật: hàng loạt so sánh làm cho cách diễn đạt gợi hình ảnh cụ thể, qua đó thấy được tài năng trong cách dùng binh cũng như thấy được tầm nhìn sâu rộng của nhà quân sự Hưng Đạo Vương khi ông đề cao sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân sẽ chống giặc thành công.

3/ Binh pháp là hệ thống tri thức về những vấn đề lí luận quân sự nói chung và phương pháp tác chiến nói riêng.

- Binh pháp của Hưng Đạo Vương có điểm đáng chú ý là chống giặc phải tuỳ thời mà tạo thế, phải vận dụng linh hoạt, không có một khuôn mẫu nào nhất định.

4/ Đoạn văn đảm bảo các yêu cầu :

- Hình thức:

- Đảm bảo về số câu, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành.

- Nội dung:

+ Tư tưởng khoan thư sức dân của Hưng Đạo Vương là biết thương yêu dân, trọng dân và chăm lo cho dân hết mực.

+ Những biểu hiện cụ thể khoan thư sức dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước hiện nay: trong lãnh đạo, Đảng ta luôn phát huy truyền thống lấy dân làm gốc của cha ông. Đó là chăm lo đời sống vật chất và văn hoá tinh thần cho nhân dân, nhất là những đồng bào nơi đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc, miền núi, hải đảo xa xôi.

+ Phê phán tệ nạn tham ô, tham nhũng, lãng phí, những kẻ sống trên mồ hôi nước mắt của nhân dân.

+ Bài học nhận thức và hành động: thể hiện lòng biết ơn nhân dân, đóng góp sức mình trong xây dựng và bảo vệ cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

**ĐỀ 5: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**



*Hôm ấy, Tôn Càn theo lệnh Quan Công vào thành ra mắt Trương Phi, thi lễ xong, nói chuyện Huyền Đức đã bỏ Viên Thiệu sang Nhữ Nam, Vân Trường thì ở Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây. Rồi mời Trương Phi ra đón.* *Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc. Tôn Càn thấy lạ nhưng không dám hỏi, cũng phải theo ra thành.* *Quan Công trông thấy Trương Phi ra, mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tế ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.* *Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu, hỏi:*  
*– Hiền đệ cớ sao thế, há quên nghĩa vườn đào ru?*  
*Trương Phi hầm hầm quát:*  
*– Mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa?*  
*Quan Công nói:*  
*– Ta làm sao mà bội nghĩa?*  
*Trương Phi nói:*  
*– Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo được phong hầu phong tước, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phen này tao quyết liều sống chết với mày.*  
*(* Trích *Hồi trống Cổ Thành,* SGK Ngữ văn 10,Trang 76,Tập II, NXBGD 2006)  
1/ Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì? Nêu nội dung chính của văn bản?  
2/ Xác định các động từ liên quan đến nhân vật Trương Phi trong đoạn: *Phi nghe xong…chạy lại đâm Quan Công.*

Nêu hiệu quả nghệ thuật của những động từ đó.  
3/Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong câu văn: *Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.*  
4/ Qua văn bản, anh (chị) thấy Trương Phi có tính cách như thế nào ?  
   
 **GỢI Ý TRẢ LỜI**  
1/ Nội dung chính của văn bản: kể về việc Trương Phi đón Quan Công ở Cổ Thành sau thời gian xa cách.  
– Phương thức biểu đạt chính của văn bản là tự sự.  
2/ Đoạn: *Phi nghe xong…chạy lại đâm Quan Công* có 12 động từ: nghe, mặc, vác, lên, *dẫn*, đi tắt, trợn, vểnh, hò thét, múa, *chaỵ*, đâm .  
Hiệu quả nghệ thuật của những động từ đó: 12 động từ thể hiện 12 hành động liên tiếp trong im lặng mà sôi sục bão táp bên trong, khiến nhịp văn nhanh, mạnh, gấp gáp, tạo nên ý vị hấp dẫn đặc biệt của truyện Tam Quốc. Qua đó, thể hiện tính cách cương trực, ngay thẳng của nhân vật Trương Phi.  
3/ Câu văn: *Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công*  sử dụng các biện pháp tu từ sau:  
-Biện pháp tu từ so sánh: *hò thét như sấm*  
-Biện pháp tu từ liệt kê: *mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm*   
Hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ: làm tăng tính gợi hình, cụ thể hoá những hành động của Trương Phi, qua đó nhấn mạnh thái độ tức giận vì nghe Quan Công không còn trung tín, phản bội lời thề bỏ anh theo Tào Tháo, phụ nghĩa *vườn đào.*  
4/ Trương Phi có tính cách:  
-Là người nóng nảy nổi tiếng đến mức trở thành thành ngữ “Nóng như Trương Phi” : Nghe Tôn Càn vào báo tin bèn kéo quân ra cổng thành, không hỏi han gì mà lập tức “đâm ngay Quan Công”.  
-Là người ngay thẳng, cương trực, không chấp nhận sự giả dối, quanh co, không khoan nhượng với cái xấu : Trương Phi không hiểu rõ tình cảnh Quan Công nên kết tội anh mình. Với Trương Phi, việc hàng Tào của Quan Công là biểu hiện của sự phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào của ba anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi.

**ĐỀ 6: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu, hỏi:*  
*-Hiền đệ cớ sao như thế, há quên nghĩa vườn đào ru?*  
*Trương Phi hầm hầm quát:*  
*-Mày đã bội nghĩa, còn mặt nào đến gặp tao nữa?*  
*Quan Công nói:*  
*-Ta thế nào là bội nghĩa?*  
*Trương Phi nói:*  
*-Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo, được phong hầu tứ tước, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phen này tao quyết liều sống chết với mày!*  
 *(* Trích *Hồi trống Cổ Thành,* SGK Ngữ văn 10,Trang 76,Tập II, NXBGD 2006)  
**Câu 1:** Em hãy cho biết trong đoạn trích trên gồm có những nhân vật nào và mối quan hệ của họ.  
**Câu 2:** Và họ đã gặp gỡ nhau trong hoàn cảnh ra sao?  
**Câu 3:** Nội dung giao tiếp giữa họ là gì? **Câu 4:** Mục đích của hoạt động giao tiếp trên là gì? **Câu 5:** Hoạt động giao tiếp trên được thực hiện bằng phương tiện và cách thức gì?  
**Câu 6:** Các nhân tố trên chi phối như thế nào về cách sử dụng ngôn ngữ của Trương Phi và Quan Công  
   
 **GỢI Ý TRẢ LỜI**  
**Câu 1:** Trong đoạn trích trên  gồm có các nhân vật:

Quan Công, Trương Phi Giữa họ có mối quan hệ anh em kết nghĩa .

**Câu 2:** Và họ đã gặp gỡ nhau trong hoàn cảnh:  
+ Rộng: Xã hội phong kiến  
+ Hẹp: ở Cổ Thành, trong sự hiểu lầm giữa Trương Phi và Quan Công.  
**Câu 3:**  Nội dung giao tiếp giữa họ là : Trương Phi cho rằng Quan Công đã bội nghĩa hàng Tào. Quan Công chưa rõ cớ sự và hành động của Trương Phi.  
**Câu 4:** Mục đích của hoạt động giao tiếp trên thấy được thái độ giận dữ của Trương Phi đối với Quan Công và thái độ ôn tồn nhã nhặn của Quan Công.  
**Câu 5:** Hoạt động giao tiếp trên được thực hiện bằng ngôn ngữ – lời nói.  
**Câu 6:**  Do là anh em kết nghĩa sống dưới chế độ phong kiến nên họ gọi nhau là huynh đệ. Do hiểu lầm và giận dữ nên khi giao tiếp Trương Phi xưng mày – tao với Quan Công. Còn Quan Công  chưa hiểu cớ sự, thái độ ôn tồn vẫn gọi hiền đệ xưng ta.

**ĐỀ 7: Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*“Hôm ấy, Tôn Càn theo lệnh Quan Công vào thành ra mắt Trương Phi, thi lễ xong, nói chuyện Huyền Đức đã bỏ Viên Thiệu sang Nhữ Nam, Vân Trường thì ở Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây. Rồi mời Trương Phi ra đón.* *Phi nghe xong, chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáp vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa bắc. Tôn Càn thấy lạ nhưng không dám hỏi, cũng phải theo ra thành.* *Quan Công trông thấy Trương Phi ra, mừng rỡ vô cùng, giao long đao cho Châu Thương cầm, tế ngựa lại đón. Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.* *Quan Công giật mình, vội tránh mũi mâu, hỏi:*

*– Hiền đệ cớ sao thế, há quên nghĩa vườn đào ru?*

*Trương Phi hầm hầm quát:*

*– Mày đã bội nghĩa còn mặt nào đến gặp tao nữa?*

*Quan Công nói:*

*– Ta làm sao mà bội nghĩa?*

*Trương Phi nói:*

*– Mày bỏ anh, hàng Tào Tháo được phong hầu phong tước, nay lại đến đây đánh lừa tao! Phen này tao quyết liều sống chết với mày.*

*(*Trích *Hồi trống Cổ Thành,*SGK Ngữ văn 10,Trang 76,Tập II, NXBGD 2006)

**1/ Nêu nội dung chính của văn bản? Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?**

**2/ Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ trong câu văn: *Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công.***

**3/ Qua văn bản, anh (chị) thấy Trương Phi có tính cách như thế nào ?**

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

1/ Nội dung chính của văn bản: Kể về việc Trương Phi đón Quan Công ở Cổ Thành sau thời gian xa cách.

– Phương thức biểu đạt chính của văn bản là tự sự.

2/ Câu văn: *Trương Phi mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu*

*chạy lại đâm Quan Công* sử dụng các biện pháp tu từ sau:

- Biện pháp tu từ so sánh: *hò thét như sấm.*

- Biện pháp tu từ liệt kê: *mắt tròn xoe râu vểnh ngược, hò thét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm.*

  Hiệu quả nghệ thuật biện pháp tu từ: làm tăng tính gợi hình, cụ thể hoá những hành động của Trương Phi, qua đó nhấn mạnh thái độ tức giận vì nghe Quan Công không còn trung tín, phản bội lời thề bỏ anh theo Tào Tháo, phụ nghĩa *vườn đào.*

3/ Trương Phi có tính cách:

- Là người nóng nảy nổi tiếng đến mức trở thành thành ngữ “Nóng như Trương khoan nhượng với cái xấu: Trương Phi không hiểu rõ tình cảnh Quan Công nên kết tội anh mình. Với Trương Phi, việc hàng Tào của Quan Công là biểu hiện của sự phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào của ba anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi.Phi” : Nghe Tôn Càn vào báo tin bèn kéo quân ra cổng thành, không hỏi han gì mà lập tức “đâm ngay Quan Công”.

- Là người ngay thẳng, cương trực, không chấp nhận sự giả dối, quanh co, không khoan nhượng với cái xấu: Trương Phi không hiểu rõ tình cảnh Quan Công nên kết tội anh mình. Với Trương Phi, việc hàng Tào của Quan Công là biểu hiện của sự phản bội lời thề kết nghĩa vườn đào của ba anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi.

**ĐỀ 8: Đọc văn bản sau và thực hiện theo các yêu cầu:**



*[…]**Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.*

*[…]*

*Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:*

*- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.*

*Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:*

*- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?*

*- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.*

*- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.*

*- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.*

*Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:*

*- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?*

*- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!*

*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** *– Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

**TRẢ LỜI CÂU HỎI BẰNG CÁCH CHỌN MỘT PHƯƠNG ÁN ĐÚNG NHẤT.**

**Câu 1:** Tác giả của bài Bên bờ Thiên Mạc là ai?

A. Hà Ân

B. Đỗ Phủ

C. Hàn Mặc Tử

D.  Trương Kế

**Câu 2:** Bối cảnh được đặt ra trong đoạn trích là khi nào?

A. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ nhất.

B. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ hai.

C. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên lần thứ ba.

D. Tất cả những ý trên đều đúng.

**Câu 3:** Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

A. Tự sự

B. Biểu Cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

**Câu 4.** Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 5.**Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Lời nói

**Câu 6.**Tác dụng của phép so sánh trong câu: *“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc.

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta.

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc.

**Câu 7*.***Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ.

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình.

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

**Câu 8.** Đâu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc.

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc.

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

**Câu 9.** Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi.

B. Bình tĩnh, vui vẻ.

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn.

D. Say sưa, ngất ngây.

**TRẢ LỜI CÂU HỎI**

**Câu 1:** Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Bình Trọng?

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

- Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay.

→ Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên.

# **Câu 2***.* Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (7 đến 9 câu) em hãy nêu cảm nhận về một chi tiết trong văn bản Quang Trung đại phá quân Thanh để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Chi tiết:**

+ “ Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh”.

+ Màn đấu kiếm giữa Quang Trung và một tướng quân Thanh trong trận Chi Lăng.

+….

* Quang Trung đã thể hiện khả năng lãnh đạo xuất sắc khi đưa quân đến Bắc nhanh chóng và không chờ đợi quá lâu.
* Ông là một người lãnh đạo có tầm nhìn xa và quyết định nhanh nhạy.
* Tạo ra một sự đột phá quan trọng, đánh tan quân Thanh , mở ra con đường cho sự giải phóng và độc lập của dân tộc.
* Sự quyết đoán và sự can đảm của Quang Trung được thể hiện rõ qua chi tiết này.

→ Ông không chỉ là một người lãnh đạo xuất sắc, mà còn là một người anh hùng và biểu tượng của sự đấu tranh vì tự do và chủ quyền.

* Em khâm phục và ngưỡng mộ về những nỗ lực phi thường của Quang Trung và tình yêu nước vô bờ bến mà ông đã truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

**BÀI VIẾT THAM KHẢO**

Trong văn bản "Quang Trung đại phá quân Thanh," chi tiết "Quang Trung thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh" là một điểm nhấn đặc biệt khiến em ấn tượng sâu sắc. Đây là một hành động mạnh mẽ và bất ngờ, tạo nên một cảm giác của sự quyết đoán và sự táo bạo trong cuộc chiến. Quang Trung đã thể hiện khả năng lãnh đạo xuất sắc khi đưa quân đến Bắc nhanh chóng và không chờ đợi quá lâu. Hành động này không chỉ thể hiện sự tương xứng với tình hình chiến đấu, mà còn cho thấy ông là một người lãnh đạo có tầm nhìn xa và quyết định nhanh nhạy. Quang Trung đã không để cho quân Thanh có thời gian thu xếp và lấy lại quyền kiểm soát trong khu vực đó. Thay vào đó, ông đã tận dụng sự ngạc nhiên của đối phương để tạo ra một cuộc tấn công không chút do dự. Việc thần tốc ra Bắc đánh tan quân Thanh không chỉ đòi hỏi sự táo bạo mà còn đòi hỏi sự kiên nhẫn và quyết định dứt khoát. Quang Trung đã chứng tỏ một tinh thần không chịu đánh mất thời gian và không sợ khó khăn. Ông đã tận dụng cơ hội để tạo ra một sự đột phá quan trọng, đánh tan quân Thanh và mở ra con đường cho sự giải phóng và độc lập của dân tộc. Qua chi tiết này, người đọc như cảm nhận được sự quyết đoán và sự can đảm của Quang Trung. Ông không chỉ là một người lãnh đạo xuất sắc, mà còn là một người anh hùng và biểu tượng của sự đấu tranh vì tự do và chủ quyền. Điều này gợi lên trong em sự khâm phục và ngưỡng mộ về những nỗ lực phi thường của Quang Trung và tình yêu nước vô bờ bến mà ông đã truyền cảm hứng cho thế hệ sau.

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

1. Tìm đọc các tác phẩm truyện lịch sử. Ghi lại nội dung cốt truyện và chỉ ra các yếu tố lịch sử có trong tác phẩm.
2. Chuẩn bị nội dung bài ôn tập tiếp theo.

*…………………………………………………………………………………………………….*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 1: CHỦ ĐỀ 1**

**TUẦN 2 - Tiết 6,7: ÔN TẬP PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**BIỆT NGỮ XÃ HỘI VÀ TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực:**

**1. Năng lực chung:**

- Năng lực tư duy, năng lực tự học, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**2. Năng lực riêng biệt:**

- Nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương.

- Hiểu và phân biệt được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương và từ toàn dân.

- Vận dụng được kiến thức vào thực hành giải quyết các dạng bài tập.

**II. Phẩm chất:**

- Giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án.

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, giấy nháp,vở ghi.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Kiểm tra khi gv cho hs ôn tập lí thuyết.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**TIẾT 6: ÔN TẬP BIỆT NGỮ XÃ HỘI**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

**Mục tiêu:** HS hiểu và nhận diện được biệt ngữ xã hội, biết lụa chon sử dụng biệt ngữ xã hội phù hợp với ngữ cảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập và yêu cầu HS làm nhanh trong vòng 5 phút.**   **Bài 1: Chọn đáp án đúng nhất để trả lời câu hỏi:**  Câu 1: Biệt ngữ xã hội là gì?  A. Là từ ngữ chỉ được sử dụng ở một địa phương nhất định  B. Là từ ngữ được dùng trong tất cả các tầng lớp nhân dân  C. Là từ ngữ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định  D. Là từ ngữ được dùng trong nhiều tầng lớp xã hội  Câu 2: Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  Câu 3: **Đọc kĩ câu văn sau và trả lời các câu hỏi.**  *Cá nó để ở dằm thượng áo ba đờ suy, khó mõi lắm.*  (Nguyên Hồng)  a, Từ “dằm thượng” ở ví dụ trên có nghĩa là gì?  A. Túi áo trên  B. Vật nhọn, nhỏ được làm bằng thân cây tre.  C. Vật nhọn, nhỏ được làm bằng kim loại để cài áo.  D. Cả A, B, C đều sai  b, Từ “mõi” ở ví dụ trên có nghĩa là gì?  A. Lấy cắp, lấy trộm  B. Mắc bẫy, mắc lừa  C. Mệt mỏi  D. Cả A, B, C đều sai  c, Hai từ ở “dằm thượng”, “mõi” ở ví dụ trên là từ ngữ địa phương hay biệt ngữ xã hội?  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  **Bài 2: Đọc kĩ đoạn văn sau và chỉ ra các biệt ngữ xã hội có trong đoạn văn.**  *[…] Suốt ngày hôm qua, Hoài Văn ruổi ngựa đi tìm* ***vua****, quên không ăn uống. Hôm nay, đợi mãi từ sớm đến trưa, Hoài Văn thấy đói cồn cào, mắt hoa lên, đầu choáng váng, chân tay buồn bã. Hoài Văn không chịu được nữa. Đứng mãi đây cho đến bao giờ? Thôi thì liều một chết vậy.* ***Ta*** *cứ xuống, chỉ nói hai tiếng xin đánh, rồi mặc cho* ***triều đình******luận tội****. Hoài Văn xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi, xăm xăm xuống bến. Một* ***viên tướng*** *hốt hoảng chạy tới, níu áo Hoài Văn lại. Quốc Toản tuốt gươm:*  *- Không buông ra,* ***ta*** *chém!*  *Lính ập đến giữ lấy Hoài Văn. Thực ra, vì nể chàng là một* ***vưong hầu****, nên họ đã để cho chàng đứng đấy từ sáng. Nay thấy Hoài Văn làm quá,* ***viên tướng*** *nói:*  *-* ***Quân pháp vô thân****,* ***hầu*** *không có phận sự ở đây, nên trở ra cho anh em làm việc. Nhược bằng* ***khinh thường phép nước****, anh em tất phải* ***chiếu theo thượng 1ệnh****.*  *Hoài Văn đỏ mặt bừng bừng, quát lớn:*  *- Ta xuống xin* ***bệ kiến quan gia****, không kẻ nào được giữ ta lại. Lôi thôi thì hãy nhìn lưỡi gươm này!*  ***Viên tướng*** *tái mặt, hô* ***quân sĩ*** *vây kín lấy Hoài Văn. Quốc Toản vung gươm múa tít, không ai dám tới gần. Tiếng kêu, tiếng thét náo động cả bến sông.*  (Trích *Lá cờ thêu sáu chữ vàng* - Nguyễn Huy Tưởng).  **\* NV2: GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời**:  Nội dung câu hỏi:  *+ Khi sử dụng biệt ngữ xã hội ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại kiến thức đã học chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS phát biểu cá nhân.  - HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức tiếng Việt cần nhớ**  **1. Biệt ngữ xã hội là gì?**  Biệt ngữ xã hội là các từ ngữ được dùng hạn chế trong phạm vi ở một nhóm người nhất định trong xã hội.  **2.** **Một số lưu ý khi sử dụng biệt ngữ xã hội:**  Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ sử dụng trong hoàn cảnh hạn chế, không được phổ biến rộng rãi trong toàn dân nên cần lưu ý sử dụng cho phù hợp, tránh lạm dụng gây khó hiểu cho người đọc, người nghe thông tin.  Biệt ngữ xã hội chỉ nên sử dụng trong các hoàn cảnh dưới đây:  **Thứ nhất:** Trong khẩu ngữ, việc sử dụng biệt ngữ xã hội để giao tiếp với người cùng tầng lớp với mình để tạo sự thân mật, gần gũi.  **Thứ hai:** Trong thơ văn, sáng tác các tác phẩm văn học để làm tăng tính biểu cảm cũng như thể hiện rõ tầng lớp xã hội, làm nổi bật tính cách của nhân vật.  Để tránh lạm dụng biệt ngữ xã hội, cần tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến biệt ngữ xã hội.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát **phiếu học tập số 1**.  ***Chỉ ra biệt ngữ ở những câu sau và giải thích nghĩa của các biệt ngữ đó.***  a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.  (Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu).  b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ “tủ” như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.  \* GV phát **phiếu học tập số 2**  Đọc các ví dụ sau đây và trả lời câu hỏi:  a) Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến ***mẹ*** tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến… Mặc dầu non một năm ròng ***mẹ*** tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.  Tôi cũng cười đáp lại cô tôi:  – Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào ***mợ*** cháu cũng về.   (Nguyên Hồng, Những ngày thơ ấu).  Tại sao trong đoạn văn này, có chỗ tác giả dùng từ mẹ, có chỗ lại dùng từ mợ? Trước Cách mạng tháng Tám 1945, trong tầng lớp xã hội nào ở nước ta, mẹ được gọi bằng mợ, cha được gọi bằng cậu?  b)  – Chán quá, hôm nay mình phải nhận con ***ngỗng*** cho bài tập làm văn.  – ***Trúng tủ***, hắn nghiễm nhiên đạt điểm cao nhất lớp.  Các từ ngữ ngỗng, trúng tủ có nghĩa là gì? Tầng lớp xã hội nào thường dùng các từ ngữ này.  \*GV phát **phiếu học tập số 3:**  ***Chỉ ra biệt ngữ trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:***  a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?  - Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?  b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu biết vì sao không?  - Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm bài tập trên phiếu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Thực hành tiếng Việt**  **\* Hs nhận diện và giải thích được nghĩa của các biệt ngữ xã hội ở bài tập 1.**  **Trả lời:**  \*Các biệt ngữ: - a, “gà”; - “tủ”  \*Giải thích:  - Từ “gà” trong câu trên được hiểu là người có năng khiếu, được ưu ái.  - Từ “tủ” trong câu trên được hiểu là học chọn lọc những kiến thức quan trọng, cần thiết để làm bài kiểm tra, làm bài thi.  **\* Hs cần hiểu được nội dung và phạm vi , mục đích sử dụng các biệt ngữ của tác giả qua ngữ liệu của bài tập 2.**  **Trả lời:**  a) Trong đoạn văn trên, tác giả có chỗ dùng “mẹ”, có chỗ lại dùng “mợ” bởi vì Trong lòng mẹ là hồi ký nên tác giả dùng từ “mẹ” – từ ngữ hiện tại.  Nhưng những dòng đối thoại tác giả dùng từ “mợ” vì đoạn đối thoại đó nằm trong kí ức.  Trước Cách mạng tháng Tám 1945 tầng lớp thượng lưu ở nước ta gọi mẹ là “mợ”, gọi cha là “cậu”.  Điều này cũng thể hiện sự tinh tế, uyển chuyển trong việc dùng từ của nhà văn Nguyên Hồng, bởi những dòng hồi ký với cách dùng từ “mẹ” – từ ngữ toàn dân dễ giúp người đọc hiểu hơn về người mà nhà văn đang muốn nhắc đến, còn khi dùng từ “mợ” – biệt ngữ xã hội trong giao tiếp với người cô trong kí ức cho thấy sự chân thật của câu chuyện mà tác giả kể lại, ngay từ cách nói chuyện với người cùng tầng lớp trong quá khứ.  b) Từ “ngỗng” có nghĩa là điểm hai, việc gọi như vậy xuất phát từ hình dạng con ngỗng giống với điểm 2.  Từ “trúng tủ” có nghĩa là ôn trúng những gì mình đã đoán được, làm trúng bài khi thi cử, kiểm tra.  Đây đều là những từ ngữ học sinh hay sử dụng.    **\*Với bài tập 3, hs cần rút ra được những nhận xét và lưu ý trong việc sử dụng biệt ngữ.**  **Trả lời:**  \* Các biệt ngữ:  a. lầy  b. hem  \* Nhận xét: Các biệt ngữ trên hình thành trên những quy ước riêng của những người trẻ tuổi, thường được sử dụng trong phạm vi hẹp.  Trong câu (a) sử dụng khi giao tiếp với bố - người lớn nên không phù hợp.  Trong câu (b) sử dụng khi giao tiếp với bạn bè – có thể sử dụng biệt ngữ. |

* **Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về biệt ngữ xã hội**

**2. Làm bài tập sau**

Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu chủ đề tự chọn, trong đoạn văn em có sử dụng các biệt ngữ xã hội. Gạch chân dưới các biệt ngữ xã hội mà em dùng.

**TIẾT 7: ÔN TẬP TỪ ĐỊA PHƯƠNG**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NỀN**

* **Mục tiêu:** HS nắm vững tri thức về TĐP, nhận diện và hiểu được cách sử dụng TĐP phù hợp trong các ngữ cảnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * **NV1: GV phát phiếu bài tập trắc nghiệm yêu cầu HS làm nhanh trong 5 phút**   **Câu 1.** Thế nào là từ ngữ địa phương?  A. Là từ ngữ toàn dân đều biết và hiểu.  B. Là từ ngữ chỉ được dùng duy nhất ở một địa phương.  C. Là từ ngữ chỉ được dùng ở một (một số) địa phương nhất định.  D. Là từ ngữ được ít người biết đến.  **Câu 2.** Cho hai đoạn thơ sau:  *Sáng ra bờ suối, tối vào hang*  *Cháo* ***bẹ*** *rau măng vẫn sẵn sàng*  (Hồ Chí Minh, *Tức cảnh Pác Bó*)  *Khi con tu hú gọi bầy*  *Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*  *Vườn râm dậy tiếng ve ngân*  ***Bắp*** *rây vàng hạt, đầy sân nắng đào.*  (Tố Hữu, *Khi con tu hú*)  Hai từ “bẹ” và “bắp” có thể được thay thế bằng từ ngữ toàn dân nào khác?  A. Ngô  B. Khoai  C. Sắn  D. Lúa mì  **Câu 3.** Những mặt khác biệt trong tiếng nói của mỗi địa phương thể hiện ở phương diện nào?  A. Ngữ âm  B. Ngữ pháp  C. Từ vựng  D. Cả A và C  **Câu 4.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó   |  | | --- | | **Câu 5.** Khi sử dụng từ ngữ địa phương, cần chú ý điều gì?  A. Không nên quá lạm dụng từ ngữ địa phương.  B. Tuỳ hoàn cảnh và đối tượng giao tiếp mà sử dụng từ ngữ địa phương cho phù hợp.  C. Không phải từ nào đối tượng giao tiếp cũng có thể hiểu được từ ngữ địa phương.  D. Cả A, B, C đều đúng.  **Câu 6.** Nhận xét nào không nói lên mục đích của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong tác phẩm văn học?  A. Để tô đậm màu sắc địa phương cho câu chuyện  B. Để tô đậm màu sắc giai tầng xã hội của ngôn ngữ  C. Để tô đậm tính cách nhân vật  D. Để thể hiện sự hiểu biết của tác giả về địa phương đó  **Câu 7.** Trong bài thơ sau đây, từ *cá tràu* là loại từ ngữ nào?  *Canh cá tràu mẹ thường hay nấu khế*  *Khế trong vườn thêm một tý rau thơm*  *Ừ, thế đó mà một đời xa cách mẹ*  *Ba mươi năm trở lại nhà, nước mắt xuống mâm cơm!*  (Chế Lan Viên)  A. Từ ngữ địa phương  B. Biệt ngữ xã hội  C. Từ ngữ toàn dân  D. Cả A, B, C đều đúng  **Câu 8.** Từ địa phương *tía* của Nam Bộ có nghĩa toàn dân là gì?  A. Lá tía tô  B. Bố  C. Màu đỏ  D. Quả na  **Câu 9.** Các từ in đâm trong đoạn thơ là từ ngữ ở vùng nào là chủ yếu?  *Đồng chí* ***mô*** *nhớ nữa,*  *Kể chuyện Bình – Trị – Thiên*  *Cho* ***bầy tui*** *nghe* ***ví****,*  *Bếp lửa rung rung đôi vai đồng chí*  *- Thưa trong* ***nớ hiện chừ*** *vô cùng gian khổ,*  *Đồng bào ta phải kháng chiến ra ri.*  (Hồng Nguyên)  A. Miền Bắc  B. Miền Trung  C. Miền Nam  D. Đây là từ ngữ toàn dân |   **\* NV2:** **GV phát vấn câu hỏi, yêu cầu HS trả lời cá nhân.**  *+ Em hiểu gì về từ ngữ địa phương?*  *+ Khi sử dụng từ ngữ địa phương ta cần lưu ý điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I.Tri thức tiếng Việt cần nhớ**  **1. Từ ngữ địa phương là gì?**  Từ ngữ địa phương là những từ ngữ chỉ được dùng hạn chế trong phạm vi một hoặc một vài vùng địa phương nhất định. Khi giao tiếp toàn dân có thể gây khó hiểu đối với người khác.  **2. Những lưu ý khi sử dụng từ ngữ địa phương.**  - Trong thơ văn, có thể dùng từ ngữ địa phương để tô đậ thêm màu sắc địa phương, màu sắc tầng lớp xã hội của ngôn ngữ và tính cách nhân vật.  - Trong khẩu ngữ, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương ngay tại địa phương đó hoặc giao tiếp với người cùng địa phương, cùng tầng lớp xã hội để tạo sự thân mật, tự nhiên.  - Muốn tránh lạm dụng từ địa phương cần phải tìm hiểu các từ ngữ toàn dân có nghĩa tương ứng để sử dụng khi cần thiết. |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

* **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức, rèn kĩ năng làm bài tập liên quan đến từ địa phương.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát phiếu học tập, yêu cầu HS điền các thông tin và phiếu theo yêu cầu.  **PHIẾU BÀI TẬP**  **Bài 1:** Chỉ ra từ ngữ địa phương và tác dụng của việc sử dụng những từ ngữ đó trong các trường hợp sau:  a. Ai đi vô nơi đây  Xin dừng chân xứ Nghệ  (Huy Cận, Ai vô xứ Nghệ)  b. Đến bờ ni anh bảo:  - “Ruộng mình quên cày xáo  Nên lúa chín không đều.  Nhớ lấy để mùa sau  Nhà cố làm cho tốt”.  (Trần Hữu Thung, Thăm lúa)  c. Chừ đây Huế, Huế ơi! Xiềng gông xưa đã gãy  Hãy bay lên! Sông núi của ta rồi!  (Tố Hữu, Huế tháng Tám)  d. – Nói như cậu thì… còn chi là Huế!  (Hoàng Phủ Ngọc Tường, Chuyện cơm hến)  e. Má, tánh lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rực lên theo màu lúa.  (Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió)  **Bài 2:** Nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương (in đậm) trong các trường hợp sau:  a. Năm học này, cả lớp đặt chỉ tiêu **giồng** và chăm sóc 20 cây ở nghĩa trang liệt sĩ của xã.  (Trích Biên bản họp lớp)  b. Con xem, mới có hai hôm mà hạt đậu nó đã **nhớn** thế đấy. Nếu con **giồng** nó ra vườn, chăm bón cẩn thận, nó sẽ ra hoa ra quả…  (Vũ Tú Nam, Những truyện hay viết cho thiếu nhi)  c. Lần đầu tiên tôi theo **tía** nuôi tôi và thằng Cò đi **“ăn ong”**đây!  (Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)  d. **Tui** xin cam đoan những nội dung trình bày trên đây là đúng sự thật.  (Trích một bản tường trình)  **Bài 3:** Trong những trường hợp giao tiếp sau đây, trường hợp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương?  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  b. Trò chuyện với những người thân trong gia đình  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  d. Nhắn tin cho một bạn thân  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách tham quan.  **GV phát phiếu bài tập 4**  ***a, Tìm một số từ ngữ địa phương nơi em ở hoặc vùng khác mà em biết. Nêu từ những địa phương tương ứng (nếu có).***  **Gợi ý:** Em hãy xem một số chú thích trong các văn bản đã được học ở phần Văn, sử dụng những hiểu biết của mình về từ ngữ địa phương, nêu lên ít nhất 10 ví dụ. Không được lấy lại từ địa phương trong bài học.  b***, Sưu tầm một số câu thơ, ca dao, hò, vè của địa phương có sử dụng từ ngữ địa phương.***  **Gợi ý:**  Hãy xem một số bài ca dao, thơ trong chương trình, xem thêm các tập thơ, ca dao của các địa phương. Ghi vào vở các bài đáp ứng yêu cầu.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi ra phiếu các thông tin theo yêu cầu và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **Bài 1: HS cần nhận diện được các từ ngữ địa phương sau:**  a. vô  b. ni  c. chừ  d. chi  e. má, tánh  **\* Chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng từ ngữ địa phương trong đoạn ngữ liệu** nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài. Đồng thời, nó giúp truyền tải đúng ý nghĩa mà tác giả muốn gửi gắm đến người đọc, người nghe.  **\* Với bài tập 2 hs cần nhận xét việc sử dụng từ ngữ địa phương như sau:**  a. Giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “giồng” bằng từ “trồng”.  b. Nhớn và giồng là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  c. Tía và ăn ong là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp này, sử dụng từ ngữ địa phương nhằm tô đậm sắc thái vùng miền, ta có thể dễ dàng cảm thấy sự gần gũi, thân thương qua từng lời văn, hình ảnh trong bài.  d. Tui là từ ngữ địa phương. Trong trường hợp viết biên bản phải sử dụng từ ngữ toàn dân. Thay từ “tui” bằng từ “tôi”.  **\* Với bài tập 3 hs cần biết những trường hợp giao tiếp nào cần tránh dùng từ ngữ địa phương.**  a. Phát biểu ý kiến tại một đại hội của trường  c. Viết biên bản cuộc họp đầu năm của lớp  e. Thuyết minh về di tích văn hóa ở địa phương cho khách thăm quan  **\* Hs sưu tầm các biệt và tìm các từ ngữ toàn dân tương ứng ở bài tập 4**   |  |  | | --- | --- | | **Biệt ngữ xã hội** | **Từ toàn dân** | | **Con tru**  **( Trung Bộ)** | **Con trâu** | | **Trái mận**  **( Nam Bộ)** | **Trái roi** | | **Mần**  **( Nam Bộ)** | **Làm** | | **Tía**  **( Nam Bộ)** | **Cha** | | **Bù lào**  **( Trung Bộ)** | **Bí đỏ** | | **Bá ( Trung Bộ)** | **Bác** |   **b,** Ví dụ:  *Đứng bên* ***ni*** *đồng, ngó bên* ***tê*** *đồng, mênh mông bát ngát*  *Đứng bên* ***tê*** *đồng, ngó bên* ***ni*** *đồng, bát ngát mênh mông*  (Ca dao)  ***Bầm*** *ơi, có rét không* ***bầm***  *Heo heo gió núi, lâm thâm mưa phùn.*  (*Bầm ơi*, Tố Hữu)  *Trèo lên trên rẫy khoai lang*  *Chẻ tre đan* ***sịa*** *cho nàng phơi khoai.*  (Hò ba lí của Quảng Nam) |

**Hướng dẫn học bài ở nhà:**

**1. Ghi nhớ kiến thức về từ địa phương.**

**2. Làm bài tập sau:**

Em hãy viết một đoạn văn ngắn từ 4 đến 7 câu chủ đề tự chọn. Trong đoạn văn em có sử dụng từ ngữ địa phương. Gạch chân dưới các từ địa phương mà em sử dụng.

………………………………………………………………………………………………….

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**BÀI 1: CHỦ ĐỀ 1**

**TUẦN 2 - Tiết 8,9,10: ÔN TẬP PHẦN VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN KỂ VỀ MỘT CHUYẾN ĐI THAM QUAN DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA.**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; hợp tác giải quyết vấn đề, trình bày trước đám đông.

2. Năng lực riêng biệt:

- Nắm được các bước thực hành làm một bài văn trải nghiệm.

- Năng lực tìm ý, xây dựng cấu trúc một bài văn.

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực viết: viết được đoạn văn đúng hình thức và đảm bảo về nội dung, viết được bài văn tự sự hoàn chỉnh.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: CỦNG CỐ TRI THỨC NGỮ VĂN**

* **Mục tiêu:** Nắm vững mục đích, yêu cầu và quy trình viết bài vănkể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).
* **Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV phát vấn câu hỏi:**  **+** Theo em mục đích của việc viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là gì?  + Yêu cầu đối với bài văn kể về một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là gì?  + Quy trình thực hiện một bài văn...?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trả lời các thông tin theo yêu cầu .**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động** - GV mời 1 – 2 HS nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I/ Tri thức cơ bản cần ghi nhớ**  **1/ Mục đích viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử văn hóa là:**  Chia sẻ những hiểu biết và trải nghiệm có được qua chuyến đi, thu hút sự quan tâm của mọi người về di tích lịch sử, văn hoá của dân tộc.  **2/ Những yêu cầu với đối bài văn kể lại một chuyến đi.**  - Giới thiệu được lí do, mục đích của chuyến tham quan một di tích lịch sử, văn hóa.  - Kể được diễn biến chuyến tham quan (trên đường đi, trình tự những điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi…).  - Nêu được ấn tượng về những đặc điểm nổi bật của di tích (phong cảnh, con người, công trình kiến trúc…).  - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ về chuyến đi.  - Sử dụng được yếu tố miêu tả và biểu cảm trong bài viết.  **3/ Quy trình viết bài văn kể lại một chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa.**   * TRƯỚC KHI VIẾT  1. ***Lựa chọn đề tài, tìm hiểu thông tin.*** 2. ***Tìm ý cho bài viết.*** 3. ***Lập dàn ý. Thực chất là sắp xếp các ý trình bày sao cho hợp lí.***  * *Mở bài:*   + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.   * *Thân bài:* * Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,...). * Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hoá đó (thiên nhiên, con người, công trình kiến trúc,...). * *Kết bài:* Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hoá. * **VIẾT THÀNH BÀI HOÀN CHỈNH** * **SAU KHI VIẾT: ĐỌC LẠI VÀ CHỈNH SỬA BÀI VIẾT** |

**HOẠT ĐỘNG 2: THỰC HÀNH VẬN DỤNG CÁC KĨ NĂNG VIẾT**

* **Mục tiêu:** HS biết lựa chọn đề tài, sưu tầm tư liệu và thực hiện thành thục các thao tác tìm ý, lập dàn ý để viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Quy trình 1: Trước khi viết cần lựa chọn đề tài và chuẩn bị tư liệu viết.**  **- Gv chuyển giao nhiệm vụ:** yêu cầu HS trình bày phần việc GV đã giao chuẩn bị ở nhà từ tiết học trước.  - HS chuẩn bị trình bày các báo cáo là sản phẩm dạy học dự án (Đã giao từ tiết trước.)  - Nhóm 1, 2: Nhóm Phóng viên:  Yêu cầu: Làm video giới thiệu về chuyến đi trải nghiệm của em khi được đến thăm quan một di tích lịch sử tại địa phương.  Ví dụ:  + Đền Nghè, đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm…  + Di tích lịch sử đền Tràng Kênh….  - Nhóm 3, 4: Nhóm nghệ sĩ (PP phòng tranh)  **GV hướng dẫn HS lựa chọn đề tài, tổ chức làm việc theo cặp đôi.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - **Nhịp 1:**  + Em hãy tự chọn một trong những điểm đến của em trong những chuyến đi trải nghiệm để làm đề tài.  **-Nhịp 2:**  **+** Dựa trên những tư liệu đã sưu tầm được, em hãy tìm ý, lập dàn ý cho bài văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - Xác định nội dung đề tài cho bài viết  - HS tìm ý, lập dàn ý.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời hai cặp HS đứng lên trình bày dàn ý của nhóm mình sau khi đã thống nhất, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Quy trình 2: Thực hiện viết bài.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV yêu cầu HS:  Viết bài văn kể lại một chuyến đi (tham quan một di tích lịch sử, văn hóa).  Với 1 địa điểm đến cụ thể.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - HS viết bài ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - GV mời HS đọc các đoạn, bài đã viết hoàn thành.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.**  - GV gọi HS nhận xét, đánh giá bài bạn.  - GV chốt lỗi cần sửa cho HS.  **Quy trình 3: Sau khi viết**   * **Đọc và sửa lại bài.** | 1. **Lựa chọn đề tài:**   **Ví dụ:**[Viết bài văn kể lại chuyến đi (tham quan di tích lịch sử, văn hóa) đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/viet-bai-van-ke-lai-mot-chuyen-di-tham-quan-di-tich-lich-su.jsp)  **2. Tìm ý**  Sau khi lựa chọn được chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa làm đề tài cho bài viết, hãy tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  - Chuyến đi tham quan di tích lịch sử, văn hóa đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm do ai tổ chức? Mục đích của chuyến đi là gì?  - Chuyến đi diễn ra như thế nào? (trên đường đi, lúc bắt đầu đến điểm tham quan, các hoạt động chính tiếp theo,…).  - Khung cảnh của chuyến tham quan có gì nổi bật? (cảnh thiên nhiên, công trình kiến trúc, những hiện vật được trưng bày ở khu di tích,…).  - Em có cảm xúc, suy nghĩ gì về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm? (Nêu ấn tượng về chuyến đi; hiểu biết mới về văn hóa, lịch sử của đất nước; tình cảm với quê hương…).  **3. Lập dàn ý**  Sắp xếp các ý đã tìm được vào từng phần để thành dàn ý.  - Mở bài:  + Giới thiệu khái quát về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  + Bày tỏ cảm xúc của em khi được trực tiếp tham gia chuyến đi.  - Thân bài:  + Kể lại cụ thể diễn biến của chuyến tham quan (trên đường đi, lúc đến điểm tham quan, trình tự các điểm đến thăm, những hoạt động chính trong chuyến đi,…).  + Thuyết minh, miêu tả và nêu ấn tượng của em về những nét nổi bật của di tích lịch sử, văn hóa (thiên nhiên, con người, công trình kiến thúc,…).  - Kết bài:  Nêu cảm xúc, suy nghĩ của em về chuyến tham quan di tích lịch sử, văn hóa.  **4. Viết bài**  **Bài văn tham khảo**  Để có được một buổi dã ngoại về lịch sử, cô chủ nhiệm lớp em đã xin phép nhà trường cùng ban phụ huynh tổ chức cho chúng em một buổi tham quan. **Ngày chủ nhật mong chờ đã đến, địa điểm nơi lớp em đến là khu di tích lịch sử đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm tại Huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng. Chuyến đi này** không những giúp em có điều kiện được chiêm ngưỡng một quần thể công trình kiến trúc cổ được xây dựng và gìn giữ qua biết bao thăng trầm mà còn có cơ hội học hỏi, tìm hiểu về cuộc đời của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm.  Bảy giờ sáng, xe lăn bánh từ cổng trường, cả lớp em vô cùng háo hức. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng, xe chúng em đi qua những ruộng thuốc lá xanh rờn xen lẫn cánh đồng lúa chín vàng, chúng em đến thăm Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm trên quê hương ông ở làng Trung Am, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo. Trên con đường trải đầy rơm rạ sau vụ gặt và nồng đượm mùi thuốc lào Tiên Lãng, Vĩnh Bảo nổi tiếng khắp nước, cũng có rất nhiều người như chúng em tìm về Khu di tích, thắp nén hương thơm, tưởng nhớ tới Nguyễn Bỉnh Khiêm, một danh nhân văn hoá, một nhà hiền triết mà sự nghiệp và tên tuổi của ông đã lưu danh mãi cùng đất nước.  Nguyễn Bỉnh Khiêm có tên chữ là Hanh Phủ, tên hiệu là Bạch Vân cư sĩ, sinh năm 1491 tại thôn Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương nay là huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Sinh trưởng trong một gia đình vọng tộc, thân phụ ông là Thái Bảo Nghiêm quận công Nguyễn Văn Định, thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái quan thượng thư Nhữ Văn Lan, là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số, nên Nguyễn Bỉnh Khiêm từ sớm đã hấp thụ truyền thống gia giáo. Tuy nhiên, lớn lên trong giai đoạn lịch sử nhà Lê suy thoái, nhiễu loạn nên suốt thời trai trẻ, Nguyễn Bỉnh Khiêm phải sống trong ẩn dật, không thi thố được tài năng. Mãi tới năm 1535, khi đã 45 tuổi, ông mới đi thi và đỗ Trạng nguyên. Từ đấy, ông làm quan với tân triều, nhà Mạc phong chức Tả thị lang (chức đứng hàng thứ ba trong bộ Hình). Năm 1543, trước cảnh bầy tôi lộng quyền, Nguyễn Bỉnh Khiêm mạnh dạn vạch trần sự tha hóa, thối nát rồi dâng trảm sớ lên vua đối với 18 đình thần biến chất, mưu phản, song không được nhà vua chấp thuận. Ông bèn cáo quan về ở ẩn nơi quê nhà, lập am Bạch Vân, mở trường dạy học, làm thơ, nghiên cứu kinh sử, chắt lọc những tinh hoa của các đạo pháp ngoại lai, bổ sung vào đó tính chất giản dị mà sâu sắc của người Việt để giáo hóa người đời và dạy dỗ học trò thành người có đức có tài, hữu ích cho đất nước. Học trò của ông nhiều người trở thành danh tướng, Trạng nguyên như: Phùng Khắc Khoan, Lương Hữu Khánh, Nguyễn Quyền... Nguyễn Bỉnh Khiêm qua đời năm 1585, ông đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như Tập thơ Bạch Vân gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán và hai tập Trình quốc công Bạch vân thi tập và Trình quốc công Nguyễn Bỉnh Khiêm thi với hàng trăm bài thơ chữ Nôm. Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm mang tính triết lý sâu xa của thời cuộc. Thơ của ông là cả một tấm lòng lo cho nước, thương đời, thương dân, và một tâm hồn suốt đời da diết với đạo lý: "Tiên thiên hạ chi ưu phi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc" (lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ). Là một học giả, học rộng biết nhiều, trong thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm hay nhắc tới sự thăng trầm "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành nương dâu) của trời đất, tạo vật và cuộc đời trôi nổi như "phù vân". Ông thương xót cho "vận mệnh" quốc gia và cảm thông sâu sắc tình cảnh của "dân đen", "con đỏ". Ông thật sự mong muốn đất nước thịnh vượng, thái bình. Tương truyền, để tránh những cuộc binh đao khói lửa, tương tàn cho chúng dân và nhìn thấy trước thời cuộc, "vận mệnh" của đất nước trong hoàn cảnh ấy chưa thể có những lực lượng đảm đương được việc thống nhất, nên khi các tập đoàn phong kiến đến hỏi kế sách, ông đều bày cho họ những phương sách khác nhau để giữ thế "chân vạc". Nguyễn Bỉnh Khiêm còn là nhà triết học lớn của Việt Nam. Ông cũng tinh thông về thuật số, được dân gian truyền tụng và suy tôn là "nhà tiên tri" số một của Việt Nam. Ông đã cho ra đời hàng loạt những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là "Sấm Trạng Trình".  Để tưởng nhớ và khắc ghi những đóng góp của Nguyễn Bỉnh Khiêm, ở làng Trung Am, quê hương của ông, con cháu và dân làng đã xây dựng một khu di tích gồm nhiều hạng mục công trình, là nơi thờ cúng và trưng bày hiện vật về thân thế và sự nghiệp của ông. **Năm 1991, khu** di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm đã được **Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử cấp Quốc gia, trở thành** một địa điểm du lịch văn hóa tâm linh nổi tiếng của Hải Phòng.  Đến với Khu di tích Trạng Trình, từ lúc đặt chân bước qua được cổng tam quan, chúng em đã được nhìn thấy ngay khu đền thờ cụ Trạng.  Ngôi đền được thiết kế dựa trên nền nhà cũ của Trạng Trình và đặt ngay chính giữa là tượng và bài vị của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Tượng ông được làm bằng gỗ, trong thế ngồi trên ngai, mình mặc áo rồng vua ban, đầu đội mũ cánh chuồn, tay phải cầm cuốn tập giơ lên như đang giảng đạo thơ cho các học trò. Phía trước đền là hồ Thái Nhâm, trên khoảng đất giữa hồ có cầu bắc qua còn tấm bia đá làm năm Vĩnh Hựu nhà Lê (1736) ghi lại việc làm đền thờ Trạng và tên những người đã đóng góp xây dựng đền. Phía trước đền chính là hồ Thái Nhâm rộng lên đến 1.000m2. Phía sau được thiết kế mô phỏng Am Bạch Vân với ba gian nhà lớp mái ngói.  Cách đó không xa chính là tượng Trạng Trình ngồi uy nghiêm, trang phục giản dị, nho nhã. Hay thú vị hơn chính là hai bức phù điêu cao hơn 5m, dài hơn 20m được thiết kế tỉ mỉ, công phu nhằm thể hiện rõ nét về cuộc đời bao thăng trầm, sự nghiệp trồng người vẻ vang của Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng như tái hiện chân thực từng giai đoạn lịch sử của nước Việt Nam từ khi thực dân Pháp xâm lược đến tận ngày nay.  Dạo quanh các khu vườn tại Khu di tích Trạng Trình, bạn sẽ dễ dàng bắt gặp được những bức tượng được tạc bằng đá với kích cỡ hệt như người thật. Các bức tượng này được sắp xếp một cách có chủ ý nhằm mô tả lại các khung cảnh đời thường trong cuộc sống của Nguyễn Bỉnh Khiêm như cảnh dân làng mừng rỡ chào đón Trạng Trình từ quan trở về làng hay khi cụ ngồi giảng văn thơ cho các học trò.  Hàng năm cứ đến ngày 23/12, người dân trong vùng và các nơi lại kéo về đền thờ tế lễ, dâng hương tưởng niệm ngày mất của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Bên cạnh phần lễ, phần hội với nhiều trò chơi dân gian đánh vật, kéo co, chọi gà, cờ người… đã mang đến một không khí lễ hội dân gian độc đáo, để lại những ấn tượng tốt đẹp cho du khách trong và ngoài nước.  Sau khi chúng em được cô giáo chủ nhiệm và bác hướng dẫn viên dẫn đi tham quan, tìm hiểu xong toàn bộ khu di tích thì đã đến trưa. Chúng em có khoảng một tiếng rưỡi để ăn uống và nghỉ ngơi. Chúng em tranh thủ ăn thật nhanh, rồi cùng nhau đi dạo quanh làng, ghé vào các quán lưu niệm để mua đồ mang về. Buổi chiều, học sinh cả lớp sẽ tập trung lại để tham gia một số trò chơi tập thể vô cùng hấp dẫn. Cuộc chơi kết thúc cũng là lúc chúng em phải trở về thành phố trong sự tiếc nuối.  Có thể nói, chuyến tham quan đến khu di tích đền Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm thật thú vị và bổ ích. Sau khi trở về, em tin rằng mình sẽ có một bài báo cáo thật hấp dẫn, và sẽ đạt được một kết quả cao nhất. |

**Hướng dẫn học bài ở nhà: hoàn thiện bài tập làm văn theo yêu cầu.**

*…………………………………………………………………………………………………………*

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

*Lớp dạy:*

**TUẦN 3 - TIẾT 11,12,13,14,15**

**LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP**

**A. MỤC TIÊU**

**I. Năng lực**

1. Năng lực chung: Tự học; tự giải quyết vấn đề.

2. Năng lực riêng biệt:

- Vận dụng được các kĩ năng để làm một bài tổng hợp.

- Năng lực tạo lập một bài văn.

- Năng lực làm bài đọc hiểu;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

- Năng lực tổng hợp kiến thức đã học vào thực hành làm bài tập.

**II. Phẩm chất**

- Bồi đắp tình yêu đối với văn chương, yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

- Hoàn thiện nhân cách, hướng đến lối sống tích cực.

- Có ý thức ôn tập một cách nghiêm túc.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, vở ghi, đồ dùng học tập.

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Kiểm tra kiến thức cũ:** Xen kẽ trong giờ.

**2. Tiến hành ôn tập.**

**HOẠT ĐỘNG 1: TRIỂN KHAI PHÁT ĐỀ CHO HS LÀM BÀI.**

* **Mục tiêu: Kiểm tra kiến thức và kĩ năng thực hành của HS sau khi học xong chủ đề 1**

**HOẠT ĐỘNG 2: HỌC SINH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SAU KHI NHẬN ĐỀ.**

* **Mục tiêu:** HS được rèn kĩ năng làm đề tổng hợp: đọc, viết.

HS được rèn sự linh hoạt, sáng tạo khi làm bài kiểm tra.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * **Tổ chức thực hiện:**   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**. GV giao đề ôn tập tổng hợp cho HS.  HS làm việc nhóm nhỏ theo bàn.  **\*Cách 2.** GV kiểm tra đề tổng hợp 90 phút.  HS làm việc cá nhân.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- Sản phẩm của HS.**  \***Cách 1**  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức làm bài của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. | **BÀI LÀM CỦA HS SAU GIỜ LUYỆN TẬP TỔNG HỢP** |

**HOẠT ĐỘNG 3: GV NGHIỆM THU SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH**

* **Mục tiêu:** Nhận xét, đánh giá được kĩ năng làm bài tổng hợp của HS.

Chỉnh sửa, giúp đỡ HS sửa lỗi kịp thời.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **SẢN PHẨM DỰ KIẾN** |
| * Tổ chức thực hiện:   **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  \***Cách 1**.  + GV thu sản phẩm luyện tập tổng hợp của HS.  + GV gọi HS chữa đề theo từng phần.  + Tổ chức trao đổi, nêu ý kiến.  + HS nhận xét lẫn nhau.  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhận xét lẫn nhau.  - GV quan sát, khích lệ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **- HS** nhận xét đánh giá bài của bạn, sửa lỗi của bản thân.  **\*Cách 2. GV thu bài về nhà chấm và sửa lỗi ở tiết sau.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét ý thức thực hiện nhiệm vụ của hs.  - GV đánh giá, chữa lỗi cho HS. |  |

**ĐỀ SỐ 1**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:**

[…] *Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chẽn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Khổng Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo.*

*Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:*

*- Xin hoàng thúc bình thân.*

*Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:*

*- Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc vội.*

*- Hạ thần xin chờ lệnh thánh.*

*- Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắm, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi…*

*- Hạ thần xin tuân thánh chỉ.*

*Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bề son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan quân. Vì thế Vương ngượng nghịu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:*

*- Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.*

*- Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kẻo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.*

*- Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bẩm mệnh Thượng hoàng.*

*Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phượng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ “Tinh Cương”. Chàng tiến lại, Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hở bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị “giam cầm” nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng.*

*Trần Quỹ trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quỹ và bảo mọi người:*

*- Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các ngươi mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nấn ná chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy.*

*Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh [...].*

(Trích ***An Tư*** *–Phần 1,Chương 2*, Nguyễn Huy Tưởng, NXB Thanh niên)

**Chọn đáp án đúng nhất để trả lời các câu hỏi sau:**

**Câu 1.** Kẻ thù nào được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Giặc phương Bắc

B. Giặc Mông

C. Giặc trong nước

D. Giặc Nguyên

**Câu 2**. Vua Thiệu Bảo muốn Chiêu Thành vương thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Đưa quân ra trận đánh giặc

B. Chiêu mộ binh lính, tập luyện để đánh giặc

C. Đánh cờ cùng vua

D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công vì giặc giã tấn công quá mạnh.

B. Hai ngàn tráng sĩ

C. Ba ngàn tráng sĩ

D. Bốn ngàn tráng sĩ

**Câu 3.** Các từ ngữ: *hoàng thúc, thánh chỉ, lệnh thánh, tiến binh, tráng sĩ*…là ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại truyện gì?

A.Truyện đồng thoại

B.Truyện ngụ ngôn

C. Truyện lịch sử

D. Truyện khoa học viễn tưởng.

**Câu 4.** Vì sao vua Thiệu Bảo muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công?

A.Về để báo kết quả đánh giặc thắng lợi.

B. Vì “Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất… Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ”.

C. Vì Vạn Kiếp là nơi có nhiều tráng sĩ giỏi.

D. Cả A,B.

**Câu 5.** Vì sao các tráng sĩ lại “*có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ*” khi biết chưa được ra trận đánh giặc?

A. Vì họ muốn “mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng”.

B. Vì họ không được đi cùng chủ tướng.

C. Vì họ không giỏi bằng chủ tướng

D. Cả A,B,C

Câu 6. Lời dặn dò*: Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quỹ, các ngươi nên nghe lời Quỹ cũng như nghe lời ta,* chứng tỏ:

A. Chiêu Thành vương muốn quân lính chấp hành mệnh lệnh.

B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của *Quỹ****.***

C. Chiêu Thành vương đã hết cách.

D. Cả A,B,C.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 7.** Lời căn dặn của Chiêu Thành vương khi cùng Trần Quỹ và các gia tướng đi thăm đội ngũ: “*Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các ngươi chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy”* giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?

**Câu 8.** Phân tích hiệu quả của phép tu từ so sánh trong câu văn**: “***Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều.”*

**Câu 9.** Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ xưa và nay đối với non sông đất nước.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 7:** Chiêu Thành Vương là một vị tướng rất gần gũi và thấu hiểu quân sĩ. Là vị chủ tướng đầy trách nhiệm, biết nhìn xa, trông rộng, biết động viên khích lệ quân sĩ.

**Câu 8:** - **So sánh:** thế như trẻ tre.

**- Tác dụng:**

+ Về nội dung: Nhấn mạnh thế tấn công như vũ bão của quân giặc hung ác, tàn bạo khiến quân ta khó bề chống đỡ đồng thời thể hiện nỗi lo lắng, xót xa của người kể chuyện khi chứng kiến sự thất bại của quân ta.

+ Về nghệ thuật: làm cho câu văn giàu hình ảnh, cách diễn đạt sinh động**,** hấp dẫn.

- Tuổi trẻ xưa, khi đất nước có chiến tranh: chăm chỉ luyện tập; sẵn sàng đánh giặc mà không cần đợi tuổi; sẵn sàng tham gia quân đội khi đủ tuổi…

**ĐỀ SỐ 2**

**Đọc văn bản sau:**

*[…]**Trong một buổi sáng đã có hai người nói với Trần Bình Trọng nhiều điều có ích. Họ chỉ là người lính, người dân bình thường, nhưng đều đã trải qua nhiều trận chiến đấu gay go. Họ đã làm cho Trần Bình Trọng vui lòng và tin rằng họ sẽ làm tròn những công việc ông giao cho. Kể từ khi đất nước có giặc xâm lược, Trần Bình Trọng đã mắt thấy tai nghe nhiều sự việc chứng tỏ tài năng và lòng yêu nước của những người không phải dòng dõi quý tộc. Ông đã được thấy những người lính bình thường lăm lăm ngọn giáo ngắn trong tay, xông thẳng tới trước những tên tướng Nguyên và dùng ngọn giáo ngắn ấy đánh ngã tướng giặc cưỡi trên lưng những con ngựa cao lớn. Ông đã từng giao nhiều việc quân cho những người lính của mình.*

*[…]*

*Ông già làng Xuân Đình chẳng những giảng giải cho Trần Bình Trọng nghe rất kỹ về thế đất vùng Thiên Mạc, mà ông ta còn nhận xét rất đúng phép dùng binh: với thế đất như thế, cách bày trận sẽ phải ra sao. Ông ta nói:*

*- Dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ. Mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông. Mặt sau lưng nó là bãi lầy Màn Trò ăn mãi vào sâu hàng trăm dặm. Chỗ chúng ta đứng đây là địa thế làng Xuân Đình. Xuân Đình ở đầu bãi lầy Màn Trò, nhưng cũng ở đầu dải cát sa bồi. Từ trước đến nay, ai cũng cho rằng trong bãi lầy không có người ở. Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông. Nếu như trận đánh xảy ra ở đây, giặc sẽ tránh giao chiến trên sông Thiên Mạc với ta. Chúng sẽ rút lên dải cát sa bồi này, lập thế trận dựa lưng vào bãi Màn Trò để quyết chiến với ta trên vùng đất khô ráo quen với vó ngựa của chúng.*

*Trần Bình Trọng suy nghĩ về lời nói của ông già:*

*- Có phải ông lão cho rằng tướng giặc sẽ lấy dải cát sa bồi này làm đất quyết chiến không?*

*- Chính vậy đấy! Nhưng ta có cách buộc chúng không thể quyết chiến ở đây mà phải chịu những đòn ta đánh ở chỗ khác và ở những hướng khác với ý muốn của chúng.*

*- Ông lão nói nốt đi!- Trần Bình Trọng giục, rõ ràng câu chuyện đã khiến ông thật sự quan tâm.*

*- Đây nhé! Tướng quân xem, chúng muốn đổ quân lên bộ cũng phải dùng những bến thuyền này. Bởi vì ở đây bờ sông thấp, lại có những vụng nhỏ tránh được sóng gió. Nhưng chúng không bao giờ nghĩ rằng chúng có thể bị đánh từ cửa Hàm Tử trở xuống, vì rằng bên kia cửa Hàm Tử là bến Chương Dương thẳng đường về Thăng Long, giặc sẽ dễ dàng ra cứu.*

*Trần Bình Trọng khen thầm. Ông khẽ gật đầu và giơ tay chỉ về phía Màn Trò hỏi tiếp:*

*- Ông lão định phục binh trong đó để đánh vỗ vào lưng quân giặc phải không?*

*- Ấy là nếu lão cầm quân, chứ lão đã trên bảy mươi tuổi đầu rồi và cũng chẳng ai bái lão làm tướng. Nhưng nếu lão cầm quân, lão sẽ bày trận như vậy đó!*

*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*

(Trích ***Bên bờ Thiên Mạc*** *– Chương 3*, Hà Ân, NXB Kim Đồng)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Bối cảnh lịch sử của đoạn trích trên là:

A. Cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông xâm lược của quân dân nhà Trần

B. Thời vua Lê, chúa Trịnh, xã hội phong kiến suy tàn.

C. Cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc.

D. Trong thời kì hòa bình hiện nay.

**Câu 2.** Nhân vật ông già làng Xuân Đình được nói đến trong đoạn trích là ai?

A. Một vị tướng đã giúp nhà Trần đánh giặc.

B. Một người dân thường, có kinh nghiệm đánh giặc.

C. Một vị thần sông.

D. Một người có danh tiếng trong dòng dõi họ Trần.

**Câu 3.** Trong văn bản trên, người kể chuyện là ai?

A. Người kể xưng “tôi” và là nhân vật trong truyện.

B. Người kể xưng “chúng tôi” và là nhân vật trong truyện.

C. Người kể không tham gia vào câu chuyện.

D. Người kể mang tên một nhân vật trong câu chuyện.

**Câu 4.**Nhân vật trong văn bản trên chủ yếu khắc họa ở phương diện nào?

A. Hình dáng

B. Tâm trạng

C. Hành động

D. Lời nói

**Câu 5.**Tác dụng của phép so sánh trong câu: *“Giặc Nguyên hơn ta về quân cưỡi ngựa, ta giỏi hơn chúng về tài đánh trên sông”* là:

A. Khẳng định lợi thế của quân ta là đánh trên sông, để tìm ra kế sách đánh bại giặc.

B. Ca ngợi sức mạnh và ý chí quyết tâm của quân ta.

C. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc.

**Câu 6*.***Vì sao Trần Bình Trọng quyết định cho quân mai phục ở bãi Màn Trò?

A. Vì dải cát sa bồi này chạy dài tít tắp, không rõ đâu là bến bờ.

B. Vì mặt trước bãi cát là con sông Thiên Mạc rộng mênh mông.

C. Vì nơi đây gần làng Xuân Đình.

D. Vì đây là đất chết của quân giặc.

**Câu 7.** Đâu là nhận xét không đúng về nhân vật ông già Xuân Đình trong đoạn trích?

A. Có trí tuệ, giàu kinh nghiệm đánh giặc.

B. Hiểu biết về địa lí của vùng đất Thiên Mạc.

C. Có lòng yêu nước, muốn đóng góp sức lực vào cuộc kháng chiến của dân tộc.

D. Muốn cho Trần Bình Trọng biết mình là người hiểu biết về lũ giặc như thế nào.

**Câu 8.** Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

A. Lo lắng, sợ hãi.

B. Bình tĩnh, vui vẻ.

C. Khâm phục, tự hào, biết ơn.

D. Say sưa, ngất ngây.

**Trả lời câu hỏi:**

**Câu 9.**Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên. Ông nói to với ông già Xuân Đình:*

*- Ông lão nói rất đúng. Ta cũng sẽ phục quân trong Màn Trò. Như thế, nếu giặc phải giao chiến trên sông Thiên Mạc hay trên bãi sa bồi này chúng đều phải đánh trên thế đất chết của chúng. Binh pháp cũng nói như vậy đấy!*”giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Bình Trọng?

**Câu 10***.* Từ văn bản trên, bằng đoạn văn ngắn (5 đến 7 câu) em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 9:** Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu về nhân vật Trần Bình Trọng:

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

Chi tiết “*Gương mặt Trần Bình Trọng rạng rỡ hẳn lên.”* giúp em hiểu về nhân vật Trần Bình Trọng:

- Tâm trạng vui mừng phấn khởi của Trần Bình Trọng khi ông nhận ra những kinh nghiệm đánh giặc quý báu từ ông lão Xuân Đình (một người dân thường).

- Trần Bình Trọng đưa ra quyết định dứt khoát về việc chọn bãi Màn Trò để đánh giặc. Đánh vào điểm yếu của lũ giặc là binh pháp hay.

=> Trần Bình Trọng là vị tướng tài ba, có niềm tin vào nhân dân, có lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu và chiến thắng giặc Nguyên.

**Câu 10:**

-Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổi lấy bằng cả xương máu và trí tuệ.

- Thực hiện tốt trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc (thực hiện nghiêm túc luật nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi tổ quốc gọi, tỉnh táo trước các luận điệu xuyên tạc, những âm mưu và hành động thù địch chống phá Đảng và nhà nước của kẻ thù...)

**-** Cống hiến hết mình cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước (không ngừng học tập, trau dồi tri thức, rèn luyện các thói quen tốt, kĩ năng sống cơ bản, dám nghĩ dám làm những việc có ý nghĩa cho đất nước.

**ĐỀ SỐ 3**

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau:**

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”. Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình. Có thể nói, thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.*

*Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời. Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.*

(Theo *Trần Thị Cẩm Quyên*, in trong *Văn học và tuổi trẻ*, số 11 - 2021)

**Trả lời câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 bằng cách khoanh tròn vào đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.** Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

1. Tự sự
2. Miêu tả
3. Nghị luận

D. Biểu cảm

**Câu 2.**  Theo tác giả, tại sao *Bất cứ ai trong chúng ta cũng sẽ phải đối mặt với khó khăn, thách thức, trở ngại và thất bại?*

A. Bởi không có con đường nào là bằng phẳng, dễ đi, nếu muốn thành công thì trước hết phải học cách chấp nhận, đối mặt, vượt qua thất bại của chính mình.

B. Bởi thất bại đáng sợ nhất của cuộc đời chính là không chiến thắng bản thân, không nỗ lực theo đuổi mục tiêu, lí tưởng mà mình đã chọn.

C. Bởi thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Bởi cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công

**Câu 3.** Theo em, đâu là câu văn mang luận điểm trong đoạn văn thứ 2?

A. Quả thực là như vậy, việc kiên trì nỗ lực để cố gắng theo đuổi mục tiêu, lí tưởng là rất quan trọng.

B. Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công.

C. Thất bại là điều khó tránh nhưng đó chính là người thầy đầu tiên của chúng ta trên đường đời.

D. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc.

**Câu 4**. Biện pháp tu từ đã được sử dụng trong câu: “*Cuộc sống thăng trầm như bản hoà ca, không phải lúc nào cũng suôn sẻ, dễ dàng và êm đềm thành công”.*

A. Ẩn dụ, so sánh

B. So sánh, liệt kê

C. So sánh, điệp ngữ

D. So sánh, nhân hoá

**Câu 5.**  Đoạn văn sau sử dụng phép liên kết nào?

*“Đôi lúc, ta tự trách vì những quyết định sai lầm của mình. Nhưng đó là lúc ta nhận thức và rút ra bài học, biến thất bại thành đòn bẩy để hướng đến thành công, không suy sụp hay bỏ cuộc”.*

A. Phép lặp

B. Phép thế

C. Phép nối

D. Phép liên tưởng

**Câu 6.** Từ “*thành công*” trong đoạn văn trên được hiểu như thế nào?

A. Những điều tốt đẹp đang chờ phía trước.

B. Điều mình mong muốn đạt được.

C. Những điều có ích cho cuộc sống.

D. Đạt được kết quả, mục đích như dự định.

**Câu 7.** Dấu ngoặc kép trong câu sau có công dụng gì?

*Đặng Thuỳ Trâm từng viết: “Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”.*

A. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp

B. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt

C. Đánh dấu từ ngữ được hiểu theo hàm nghĩa mỉa mai

D. Đánh dấu tên tác phẩm

**Câu 8.** Đoạn trích trên gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào?

A. Đoàn kết là sức mạnh.

B. Thất bại là mẹ thành công.

C. Thất bại là thầy của chúng ta.

D. Đừng sợ thất bại.

**Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9.**Em có tán thành với quan điểm *“Đời phải trải qua giông tố, nhưng chớ cúi đầu trước giông tố”*? Vì sao?

**Câu 10.** Từ đoạn trích trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của lòng quyết tâm, sự kiên trì trong cuộc sống. (viết đoạn văn từ 5 đến 7 câu)

**PHẦN II. TẠO LẬP VĂN BẢN (4.0 điểm)**

**Đề bài: Kể lại chuyến đi tham quan của em tại khu di tích lịch sử Tràng Kênh.**

**GỢI Ý VIẾT ĐOẠN VĂN**

Nêu được ý nghĩa, vai trò của lòng quyết tâm, sự kiên trì, trong cuộc sống.

+ Lòng quyết tâm, kiên trì *là sự nỗ lực hết mình, tập trung cao độ để đạt mục tiêu.*

+ Lòng quyết tâm, kiên trì là một phẩm chất đáng quý, có vai trò quan trọng đối với mỗi người bởi trong cuộc sống, những khó khăn thử thách ta gặp phải là điều ko tránh khỏi nên phải kiên trì, nhẫn nại, dũng cảm đối mặt và quyết tâm vượt qua

+ Lòng quyết tâm, kiên trì là động lực giúp con người vượt qua khó khăn thử thách để đạt được thành công; chủ động, tự tin trong cuộc sống; bồi dưỡng ý chí nghị lực, trí thông minh, bản lĩnh...

+ Học sinh cần có lòng quyết tâm, kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống để đạt được ước mơ.

**GỢI Ý VIẾT BÀI VĂN**

Để có được một buổi dã ngoại về lịch sử, cô chủ nhiệm lớp em đã xin phép nhà trường cùng ban phụ huynh tổ chức cho chúng em một buổi tham quan. **Ngày chủ nhật mong chờ đã đến, địa điểm nơi lớp em đến là khu di tích lịch sử Tràng Kênh tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chuyến đi này** không những giúp em có điều kiện được chiêm ngưỡng một quần thể công trình kiến trúc đẹp mà còn có cơ hội học hỏi, tìm hiểu rất nhiều kiến thức lịch sử.

Đúng bảy giờ sáng, xe lăn bánh từ cổng trường, cả lớp em vô cùng háo hức. Từ trung tâm thành phố Hải Phòng, xe chúng em đi qua hai cây cầu chúng em thì sang đến huyện Thủy Nguyên. Sau thời gian khoảng 20 phút, xe dừng lại tại quần thể khu di tích lịch sử Tràng Kênh.

Khu di tích Tràng Kênh Hải Phòng có địa chỉ nằm tại thôn Tràng Kênh, thuộc thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, cách trung tâm Thành phố Hải Phòng chỉ 20km về phía Đông Bắc.

Bạch Đằng Giang là 1 khu du tích lịch sử cổ đại nằm trong một khuôn viên rộng lớn, lưng tựa vào núi Tràng Kênh, mặt hướng ra con sông Bạch Đằng với biết bao chiến công lẫy lừng. Nơi đây có  vẻ đẹp thuần khiết, và rất ấn tượng cho khách du lịch khi đến đây. Khi đến đây, du khách cảm nhận được sự thanh bình, trong lành và tĩnh tâm. Môi trường cảnh quan tại đây rất xanh, sạch, đẹp, vị trí sơn thủy hữu tình, nhiều hàng cây tạo bóng mát, luôn có người quét dọn thường xuyên. Du khách đến đây đều tự giác thu gom rác vào nơi quy định. Đây là một điểm sáng về công tác quản lý điểm di tích lịch sử văn hóa rất khoa học, không có việc chen lấn, xô đẩy, ồn ào. Trong khu di tích trồng rất nhiều cây xanh các loại. Trong số đó có các cây cổ thụ, tỏa bóng mát quanh năm, soi bóng xuống dòng sông Bạch Đằng thơ mộng, hùng vỹ. Khu di tích Bạch Đằng Giang rộng 20 ha, được xây dựng bởi các nhà hảo tâm. Nơi đây nằm trong quần thể danh thắng Tràng Kênh, được Nhà nước công nhận năm 1962. Tại đây có ngôi miếu cổ thờ các vong linh tử sĩ chiến đấu, hy sinh trên sông Bạch Đằng. Sau đó, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm nâng cấp, tôn tạo.

Theo bước chân và sự hướng dẫn của bác hướng dẫn viên, chúng em đi vào thăm quan khu di tích. Từ cổng vào chúng em đã nhìn thấy một vườn đá cuội và một trụ đá cao chừng 5m, mặt trước có 7 chữ “Giang san vượng khí Bạch Đằng thâu”. Ba mặt trái, phải, sau khắc công lao và thần tích của vua Ngô Quyền, vua Lê Đại Hành và đại vương Trần Hưng Đạo. Đi sâu vào trong là các dãy bon sai, cây cổ thụ. Ngôi đền đầu tiên trong di tích là Tràng Kênh Vọng Đế, thờ vua Lê Đại Hành. Tiếp đó là Linh từ Tràng Kênh thờ Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn, người chỉ huy chiến thắng Bạch Đằng năm 1288, rồi đến đền Bạch Đằng Giang thời Ngô Quyền, đánh thắng quân Nam Hán năm 938. Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh là địa điểm cuối cùng trong tứ linh từ của di tích. Ngoài ra, khu di tích Bạch Đằng Giang còn có: đền thờ Thánh Mẫu, khu nhà bảo tàng trưng bày hiện vật cọc Bạch Đằng được bảo tồn nguyên trạng trong bể thủy tinh. Từ ngôi chùa phỏng theo chùa Đồng (Yên Tử, Quảng Ninh) được xây trên núi Tràng Kênh, du khách sẽ bao quát được toàn cảnh vẻ đẹp của cả vùng Tràng Kênh. Mới đây, khu di tích xây thêm 3 pho tượng đồng tạc Ngô Quyền, Lê Đại Hành và Hưng đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn, mỗi pho tượng cao 11m, đặt trên quảng trường nổi, hướng ra sông Bạch Đằng, xung quanh là một bãi cọc mô phỏng bãi cọc Bạch Đằng xưa kia… Khung cảnh của khu di tích được tô điểm bởi những hàng cau xanh tốt, như những người lính canh gác nơi tiền tiêu.Các học sinh tìm hiểu lịch sử tại khu di tích Bạch Đằng Giang Trong đó, việc duy trì các hoạt động như: trông xe, dọn dẹp vệ sinh đều do người dân tự nguyện tham gia, như một hình thức công đức cho khu di tích. Ban Quản lý không phải trả công nên không đặt nặng vấn đề kinh doanh. Mọi người đều rất tự nguyện, tự giác, mỗi người làm một phần việc. Đến đây tham quan, vãn cảnh, du khách sẽ cảm nhận được thanh tịnh, trang nghiêm và trật tự… Khu vực nhà khách khang trang, rộng rãi có sức chứa 1.000 người, có nước uống miễn phí; khu vực vệ sinh sạch sẽ, nhân viên dọn dẹp thường xuyên.

Ngoài ra, khu di tích Bạch Đằng Giang còn là điểm tham quan lịch sử tích hợp trải nghiệm đối với các du khách, nhất là các bạn trẻ và học sinh các cấp như chúng em. Tại khu Nhà bảo tàng, chúng em được chiêm ngưỡng các hiện vật lịch sử như: cọc Bạch Đằng được bảo tồn nguyên trạng – nhân chứng lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng; sơ đồ diễn biến các trận Bạch Đằng; các di chỉ khảo cổ đồ gốm các thời kỳ Lê, Trần..; lịch sử Việt Nam qua các thời kỳ, hình ảnh các vị lãnh tụ tới thăm, dâng hương và chiêm bái khu di tích. Theo sự thống kê của Ban quản lí khu di tích, chúng em đưoực biết hằng năm, khu di tích đã đón hàng chục đoàn học sinh của các trường học trong và ngoài thành phố đến tham quan, sinh hoạt ngoại khóa, tìm hiểu lịch sử dân tộc. Đây là phương pháp giáo dục lịch sử kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, thu hút rất đông các thầy, cô giáo, các phụ huynh và học sinh rất nhiệt tình tham gia.

Quảng trường Chiến thắng là điểm cuối trong chuyến tham quan, công trình được hoàn thành vào cuối năm 2016. Quảng trường lát đá granit vươn ra sông, gồm 3 pho tượng của Đức Ngô Quyền vương, vua Lê Đại Hành và Đức Thánh Trần cao 11m bằng đồng. Mô hình bãi cọc lim bịt sắt gồm 180 cọc được phục dựng lại dưới lòng sông.

Sau khi chúng em được cô giáo chủ nhiệm và bác hướng dẫn viên dẫn đi tham quan, tìm hiểu xong toàn bộ khu di tích thì đã đến trưa. Chúng em có khoảng một tiếng rưỡi để ăn uống và nghỉ ngơi. Chúng em bảo nhau tranh thủ ăn thật nhanh, rồi cùng đi dạo quanh khu di tích, tham gia một số trò chơi tập thể vô cùng hấp dẫn. Cuộc chơi kết thúc cũng là lúc chúng em phải trở về thành phố trong sự tiếc nuối.

Có thể nói, chuyến tham quan đến khu di tích Tràng Kênh thật thú vị và bổ ích. Sau khi trở về, em tin rằng mình sẽ có một bài báo cáo thật hấp dẫn, và sẽ đạt được một kết quả cao nhất.

**HẾT CHỦ ĐỀ 1.**